

GIÁO ÁN GIẢNG DẠY NGŨ VĂN 10

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

(THÁNG 9)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: câu chuyện, không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết lỗi dùng từ Hán Việt và biết cách sửa những lỗi đó.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.
- Biết giới thiệu, đánh giá (dưới hình thức thuyết trình) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện (theo lựa chọn cá nhân).
- Biết sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng

TIẾT 1. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực thuyết trình, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm...

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: *cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.*

3. Phẩm chất

- Biết sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV hỏi: *Em hãy kể tên một số văn bản truyện mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS? Hãy tóm tắt một truyện mà em thích nhất?*

- Sọ Dừa, Tấm Cám, Thạch Sanh, Chuyện người con gái Nam Xương, Lặng lẽ Sa Pa...

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới: *Các văn bản truyện đều có chung các yếu tố như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật. Để hiểu được nội dung của truyện kể chúng ta cần phân tích các yếu tố đó. Trong tiết học ngày hôm nay cô và các em cùng tìm hiểu các yếu tố đó qua bài học về Tri thức Ngữ văn.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức Ngữ văn về các yếu tố của truyện kể qua bài tập điền các từ ngữ vào chỗ trống: (Cốt truyện, người kể chuyện, sự kiện, sự việc, biến cố, sự kiện, cốt truyện, truyện kể, nhân vật)	I. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Cốt truyện - Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (<i>thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...</i>) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (<i>hoặc chuỗi sự kiện</i>). - Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

- trong tác phẩm tự sự và kịch được tạo nên bởi hoặc chuỗi - Sự kiện là, dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra. - Sự kiện trong được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định. Mạch kể này thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận....) tạo thành..... - Truyện kể chỉ tồn tại khi có - là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người. - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	2. Truyện kể - Sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định. Mạch kể này thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận....) tạo thành truyện kể. 3. Người kể chuyện - Truyện kể chỉ tồn tại khi có người kể chuyện. Trong nhiều loại hình tự sự dân gian, người kể chuyện có thể là người trực tiếp diễn xướng để kể lại câu chuyện cho công chúng. Trong các hình thức tự sự của văn học viết, người kể chuyện là “vai” hay “đại diện” mà nhà văn tạo ra để thay mình thực hiện việc kể chuyện. Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian,... Người kể chuyện cũng khơi dậy ở người đọc những suy tư về ý nghĩa mà truyện kể có thể gợi ra. 4. Nhân vật - Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Cũng có những trường hợp nhân vật trong tác phẩm văn học là thần linh, loài vật, đồ vật,... nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người.
---	---

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Bài tập: Chọn phân tích một yếu tố truyện kể (nhân vật, cốt truyện...) trong truyện kể mà em thích. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	<i>Ví dụ: Phân tích nhân vật Thánh Gióng</i> Nhân vật Thánh Gióng là một hình tượng tiêu biểu về người anh hùng chống giặc ngoại xâm. Nhân vật này được xây dựng mang những vẻ đẹp tiêu biểu của người anh hùng trong quan niệm của nhân dân ta. Trước hết là sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng. Một hôm, người mẹ của Gióng đi ra đồng trông thấy một bàn chân to, liền úm thử vào để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà mang thai, sau mười hai tháng thì sinh ra một cậu bé. Gióng sinh ra nhưng lên ba tuổi mà vẫn không biết nói biết cười, đặt đâu thì nằm đấy. Không chỉ là sự ra đời, quá trình trưởng thành của Gióng cũng khác thường. Khi đất nước có giặc ngoại xâm, nhà vua bèn sai sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giỏi cứu nước. Đến làng Gióng, cậu bé nghe tiếng của sứ giả thì liền cất tiếng nói đầu tiên: “Mẹ mời sứ giả vào đây cho con”. Gióng đã yêu cầu sứ giả về nói với nhà vua chuẩn bị “một con ngựa sắt, một

	chiếc roi sắt và một tấm áo giáp sắt” với lời hứa sẽ phá tan lũ giặc này. Từ khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi, bà con trong làng cùng góp gạo nuôi lớn. Khi giặc đến gần bờ cõi, Gióng bỗng vươn vai trở thành tráng sĩ - mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Thánh Gióng đã đánh tan quân giặc, bảo vệ đất nước khỏi kẻ thù xâm lược. Sau khi đánh giặc xong, Gióng một mình một ngựa, lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng những nét đẹp tiêu biểu của con người Việt Nam, khiến cho người đọc càng thêm yêu mến và cảm phục.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: HS tìm đọc thần thoại Việt Nam. Tập tìm hiểu theo các yếu tố truyện kể. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	- Bài làm của HS.

- HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
--	--

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Soạn bài “**TRUYỆN KỂ VỀ CÁC VỊ THẦN SÁNG TẠO THẾ GIỚI**”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

VĂN BẢN 1, 2, 3

TRUYỆN KỂ VỀ CÁC VỊ THẦN SÁNG TẠO THẾ GIỚI

(Thần thoại Việt Nam)

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực chuyên biệt:

- + HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: *cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.*
- + Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- + Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

3. Phẩm chất

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp; tôn trọng và có ý thức tìm hiểu nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ĐUÔI HÌNH BẮT CHỮ” về thể loại thần thoại và các vị thần.

- HS trả lời.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới: *Trong hệ thống truyện thần thoại của Việt Nam về sự sáng lập vũ trụ, truyện “Thần Trụ Trời” được coi như truyện mở đầu, tiếp theo đó là các truyện về các thần khác như “Thần Gió”, “Thần Sét” tiếp đến nữa là các truyện về thần sáng tạo ra muôn vật và loài người như “Cuộc tu bổ các giống vật”, “Mười hai bà mụ”. Thần ở đây là thần của thần thoại không phải là thần trong thần tích hay thần nghĩa theo mê tín dị đoan, mà là nhân vật chính trong các câu truyện, được nhân dân hình dung như lực lượng có thật, có hình dạng, có sức mạnh phi thường, nhiều phép lạ, làm nên những kỳ tích lớn lao, tác động tới con người. Để hiểu và thấy được cái hay, cái đẹp, cái đặc sắc của thần thoại Việt Nam, hôm nay cô và các em may mắn được học thần thoại “Trần Trụ trời”, “Thần Gió”, “Thần Sét” qua bài học “Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới”.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. THỂ LOẠI THẦN THOẠI

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức về thể loại thần thoại, thần thoại Việt Nam, những tìm hiểu chung về Truyện kể về các vị thần sáng tạo thế giới theo gợi ý của phiếu bài tập.

Phiếu bài tập		
Thể loại thần thoại	Khái niệm	
	Phân loại	
	Cốt truyện	
	Nhân vật	
	Thời gian, không gian	
Thần thoại Việt Nam	Thần thoại Việt Nam gồm có mấy nhóm	
Văn bản 1,2,3 - Truyện kể về các vị	Thể loại	
	Nhân vật	

- **Thần thoại** là thể loại truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy.

- Căn cứ vào chủ đề, có thể chia thần thoại thành hai nhóm:

+ Thần thoại kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài (**thần thoại suy nguyên**).

+ Thần thoại kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hoá (**thần thoại sáng tạo**).

- Ra đời trong “tuổi ấu thơ” của loài người nên thần thoại mang tính nguyên hợp: chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử,... Vì vậy, thần thoại có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc **lưu giữ di sản văn hoá nguyên thủy của cộng đồng**.

- **Cốt truyện**: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật hoặc là một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn (tạo thành một “hệ thần thoại”).

- **Nhân vật chính** của thần thoại là các vị thần, hoặc những con người có nguồn gốc thần linh, có năng lực siêu nhiên nên có thể được miêu tả với hình dạng khổng lồ, hoặc với sức mạnh phi thường....

+ **Chức năng** của nhân vật trong thần thoại là:

* cất nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội

* thể hiện niềm tin của con người cổ sơ cũng như những khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại.

- **Thời gian, không gian**: Thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau.

thần sáng tạo thế giới	Không gian, thời gian	
	Tóm tắt	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- Lối tư duy hồn nhiên, chất phác, trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn đã làm nên sức cuốn hút và sức sống lâu bền cho thần thoại.

2. Thần thoại Việt Nam

- Thần thoại Việt Nam vẫn là một di sản phong phú với hàng trăm truyện kể của người Kinh và các dân tộc thiểu số.

- Trong một số bộ sách mang tính chất sưu tầm, tuyển tập, nhiều thần thoại đã được đặt lẫn với các truyền thuyết, cổ tích, do vậy, màu sắc riêng của thần thoại ít nhiều bị làm mờ nhạt.

- Thần thoại Việt Nam gồm có hai nhóm:

+ **Thần thoại suy nguyên:** nhiều truyện có cách hình dung, lí giải về sự hình thành thế giới tự nhiên, nguồn gốc con người và vạn vật rất gần gũi với các hệ thống thần thoại khác trên thế giới. Nhân vật chính của thần thoại suy nguyên là các vị thần sáng tạo thế giới: trời đất, mặt trời, mặt trăng, sông biển, mưa, gió, sấm, sét, muôn loài.

+ **Nhóm truyện thần thoại sáng tạo** có nhân vật chính là các anh hùng thần thoại và anh hùng văn hoá. Kì tích của họ phản ánh vẻ đẹp riêng của cuộc sống lao động, tín ngưỡng và văn hoá của từng cộng đồng.

3. Văn bản 1,2, 3 - Truyện kể về các vị thần sáng tạo thế giới:

a. Thể loại:

- Thần thoại thần thoại suy nguyên.

b. Nhân vật

- Thần Trụ Trời, thần Sét, thần Gió.

c. Không gian và thời gian:

- Không gian: vũ trụ rộng lớn

	- Thời gian: + Thần Trụ Trời: hỗn mang. + Thần Sét + thần Gió: Không xác định (phiếm chỉ). d. Tóm tắt: - Văn bản “<i>Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới</i>” đã lý giải về sự hình thành của thế giới tự nhiên thông qua các vị thần. Mỗi vị thần có một quyền năng đặc biệt, đảm bảo sự sống cho trái đất. Truyện về các vị thần đã phản ánh quan niệm nhận thức của con người thời cổ về thế giới xung quanh và thể hiện khao khát chinh phục tự nhiên. * Thần Trụ Trời: - Trời đất hỗn độn – thần đứng dậy đội trời lên. - Trời đất phân đôi. Đất phẳng như mâm vuông, trời trùm lên như bát úp. - Thần lại phá cột, lấy đá và đất ném tung, tạo thành gò, thành đồng. - Một số thần khác nối tiếp công việc xây dựng thế gian. * Thần Sét: - Thần chuyên thi hành pháp luật bằng lưỡi búa đá. - Tính tình nóng nảy, có lúc làm cho người vật chết oan. - Bị Ngọc Hoàng phạt nằm im không động đậy, thỉnh thoảng bị gà mổ. - Thần từng bị thua Cường Bạo Đại Vương. * Thần Gió: - Còn gọi là thần Cụt Đầu. - Có chiếc quạt chuyên làm mưa gió. - Có đứa con nghịch quạt của thần làm bát gạo của người nông dân mất mùa bị đổ.
--	--

	- Thượng đế phạt con của thần Gió xuống trần đi chăn trâu cho người nông dân bị mất gạo kia.
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn trích: Hình tượng các vị thần, ý nghĩa những chi tiết hoang đường, tưởng tượng...

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS					DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: tổ chức cho HS làm việc nhóm tìm hiểu về các vị thần:					II. Đọc – hiểu văn bản 1. Hình tượng các vị thần a. Thần Trụ Trời * Bối cảnh xuất hiện - Thần Trụ Trời xuất hiện từ: “ <i>Thuở ấy chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một đám hỗn độn tối tăm và lạnh lẽo</i> ” và “ <i>Thần ở trong đám mờ mịt, hỗn độn đó không biết từ bao giờ</i> ” => Thời gian cổ xưa, không xác định. Không gian vũ trụ hoang sơ. * Hình dạng - Hình dạng: vóc dáng khổng lồ, chân dài, có thể bước từ vùng này qua vùng khác. * Tính khí - Tính khí: kiên trì “cứ một mình cây cọc đắp” * Hành động, việc làm - Những hành động phi thường:
	Nhóm 1 – Thần Trụ Trời	Nhóm 2 – Thần Gió	Nhóm 3 – Thần Sét	Nhóm 4	
Bối cảnh xuất hiện (Thời gian, không gian)				Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của chùm truyện?	
Hình dạng					
Tính khí					
Hành động, việc làm					

Cơ sở tưởng tượng					+ Thần Trụ trời tự mình đào đất, đập đá, đắp thành một cái vừa cao, vừa to để chống trời. + Cột được đắp cao lên bao nhiêu thì trời được nâng lên dần chừng ấy... từ đó đất trời phân ra làm hai. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp... (liên tưởng tới truyền thuyết “<i>Bánh chưng, bánh dày</i>”) + Khi trời cao và khô, thần phá cột, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi đã tạo ra những hòn núi, hòn đảo, gò, đồng, những dải đồi cao và mặt đất ngày nay thường không bằng phẳng. + Chỗ thần đào lên để lấy đất đá đắp cột là biển rộng. => Thần Trụ trời là người có năng lực phi thường, mạnh mẽ và đã có công tạo ra trời, đất. * <i>Cơ sở của sự tưởng tượng:</i> - Sự tách biệt trời, đất, giải thích sự hình thành của các cồn đồi, cao nguyên, biển cả... => Hình tượng thần trụ trời có thể coi là hình tượng thần đầu tiên của tác phẩm văn học Việt Nam. b. Thần Sét * <i>Bối cảnh xuất hiện:</i> - Thời gian: không cụ thể, phiếm chỉ. - Không gian: Thiên đình, hạ giới. * <i>Hình dạng</i>
-------------------------	--	--	--	--	---

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- 1 HS đại diện trình bày sản phẩm.

- GV gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

	- Hình dạng: mặt mũi rất nanh ác, tiếng quát tháo rất dữ dội. * <i>Tính khí và hành động, việc làm của thần Sét</i> - Tính khí: nóng nảy, sợ gà * <i>Hành động, việc làm của thần Sét</i> - Hành động, việc làm: Thay Ngọc Hoàng thi hành luật pháp ở trần gian (hành động của thần phản ánh sự thịnh nộ của Ngọc Hoàng). * <i>Cở sở của sự tưởng tượng:</i> - Hiện tượng sấm sét khi mùa hè, khi trời mưa. c. Thần Gió: * <i>Bối cảnh xuất hiện:</i> - Thời gian: không cụ thể, phiếm chỉ. - Không gian: Thiên đình, hạ giới. * <i>Hình dạng</i> - Hình dạng: kì quặc, không có đầu. * <i>Tính khí</i> - Tính khí: thất thường lúc nhỏ, lúc to, lúc đi cùng mưa sét thì vô cùng đáng sợ, lúc thông dong dạo chơi buổi tối, lúc gió xoáy nguy hiểm, cũng có khi ham chơi “<i>thỉnh thoảng thần xuống hạ giới đi chơi vào những buổi trời tối</i>”. * <i>Hành động, việc làm của thần Gió</i> - Hành động, việc làm: + Làm gió nhỏ hay bão lớn, lâu hay mau tùy theo lệnh Ngọc Hoàng.
--	--

	+ Đứa con thần Gió nghịch ngợm gây tai họa. * Cơ sở của sự tưởng tượng: - Hiện tượng gió trong tự nhiên. => Quan niệm, sự lí giải của nhân dân về các hiện tượng tự nhiên. d. Nghệ thuật xây dựng nhân vật của chèo truyền - Cách xây dựng nhân vật của chèo truyền: + Các vị thần đều vô cùng vĩ đại, có quyền lực và năng lực phi thường. + Các vị thần đều được nhân hóa, có ngoại hình, tính cách tương tự như đặc điểm của các hiện tượng tự nhiên trong đời sống. 2. Ý nghĩa của văn bản “Truyện kể về các vị thần sáng tạo thế giới” - Gửi gắm quan niệm, khát vọng của dân gian về sự hình thành của thế giới tự nhiên. - Sự sáng tạo và khát vọng chinh phục tự nhiên của con người. - Tôn trọng, ngưỡng vọng tự nhiên nhưng không sợ sệt.
--	---

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

- a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: HS khái quát giá trị nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Phản ánh nhận thức và quan niệm của con người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người. - Thể hiện niềm tôn kính đối với văn hoá tâm linh và niềm tin vào tín ngưỡng trời và đất. 2. Nghệ thuật: - Xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo. - Ngôn từ nghệ thuật gần gũi, dễ hiểu - Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, hoang đường - Lối kể chuyện mạch lạc, tự nhiên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Bài 1: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết kì ảo trong một truyện thần thoại. <u>Gợi ý:</u>	- Bài viết của HS. - Đoạn văn tham khảo: (sưu tầm) <i>Nữ Oa là vị thần sinh ra loài người. Con cháu bà sống trong cõi thế gian bình yên vô sự thì bỗng một hôm Thủy Thần, Cung Công</i>

- Chọn truyện thần thoại - Tìm chi tiết kì ảo (thuật lại chi tiết đó). - Ý nghĩa của chi tiết đó là gì? - Thông qua chi tiết kì ảo nói riêng và câu chuyện nói chung đã phản ánh khát vọng, mong muốn gì của nhân dân. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	và Hỏa Thần, Chúc Dung gây sự đánh nhau rất dữ dội. Hậu quả khiến cây cột chống Trời gãy gập xuống, một góc trời bị sụt lở gây ra tai họa khủng khiếp cho loài người. Nữ Oa đau lòng khi thấy con cháu sống trong cảnh tối tăm khổ ải đã không quản khó khăn, vất vả, ngày đêm một mình hì hục khuôn đất, đội đá ở khắp nơi về để vá trời cho bằng được, kịp cứu đàn con. Bà chọn đá ngũ sắc, chất lên thành núi, đốt lửa luyện đá thành keo rồi lần lượt vá hết các vết thủng trên vòm trời. Từ đó, con người sống dưới vòm trời trong xanh, điểm mây ngũ sắc, không còn lo trời sập, không sợ nước lũ và các loài ác thú, chăm lo làm ăn, bốn mùa no đủ, vui tươi.
---	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: HS tìm đọc thần thoại Việt Nam. Chọn và tóm tắt một thần thoại hoặc vẽ một vị thần trong thần thoại mà em thích nhất. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Bài làm của HS.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
--	--

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Soạn bài “*TẢN VIÊN PHÁN SỰ LỤC*”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

VĂN BẢN 2. TẢN VIÊN PHÁN SỰ LỤC

(Chuyện chức phán sự đền Tản Viên)

- Nguyễn Dữ -

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kỳ nói riêng như: câu chuyện, không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

3. Phẩm chất

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp; tôn trọng và có ý thức tìm hiểu nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “TRẠNG NGUYÊN”

Câu 1: Trong chương trình Ngữ văn lớp 9, các em được học truyện nào trong tập “Truyền kì mạn lục” của Nguyễn Dữ?

- Chuyện người con gái Nam Xương

Câu 2: Nêu những hiểu biết của em về thể loại truyện truyền kì?

- Thể văn xuôi tự sự Trung Đại, chịu ảnh hưởng của truyện truyền kì Trung Quốc, thời Đường.

- Viết bằng văn xuôi chữ Hán, có lời bình.

- Yếu tố hoang đường Cốt lõi hiện thực.

Câu 3: Tản Viên Sơn Thánh là ai?

A. Thánh Sơn Tinh. B. Thánh Thủy Tinh. C. Thánh Gióng. D. Thánh Chử Đồng Tử

Câu 4: Đền Tản Viên được xây dựng ở đâu?

A. Sóc Sơn. B. Hoài Đức. C. Thường Tín. D. Ba Vì

- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới: Trong chương trình Ngữ Văn lớp 9 - THCS, các em đã được học tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*, là một trong hai mươi câu chuyện trong *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. Hôm nay, chúng ta lại cùng tìm hiểu về một câu chuyện nữa trong tập truyện kí đó của ông. Đó là *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*, một tác phẩm ca ngợi những nho sĩ, trí thức khảng khái, chính trực vì nghĩa lớn chống gian tà. Đồng thời qua lớp vỏ của yếu tố kì ảo, chúng ta cũng phần nào thấu hiểu được cốt lõi hiện thực lịch sử đương thời.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản: + <i>Nêu các nét chính về tác giả Nguyễn Dữ?</i> + <i>Em có hiểu biết gì về truyện truyền kì và Truyền kì mạn lục?</i> + <i>Vị trí, người kể chuyện, tóm tắt và bố cục của Chuyện chức phán sự đền Tản Viên?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Thể loại truyện kì - Truyện kì: là thể loại văn học có nguồn gốc từ Trung Quốc, phát triển mạnh vào thời nhà Đường, thường kể về những câu chuyện kì lạ, sử dụng nhiều yếu tố kì ảo và xây dựng các nhân vật có hành trạng khác thường. - Cốt truyện: + Các biến cố, sự kiện, hành động kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc. + Cốt truyện của truyện truyền kì thường gắn chặt với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử của từng dân tộc. - Không gian, thời gian: + Không gian: không gian cõi tiên với cảnh tượng kì thú, không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng, thiên nhiên sóng cuộn gió gào gọi cảm giác sợ hãi.... + Thời gian: Thời gian mang đến ấn tượng huyền bí, hư ảo gợi ấn tượng về sự tĩnh tại vĩnh hằng. - Nhân vật: + Có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá..... Trong truyện truyền kì, nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác tự nhiên, không có sự cách biệt

thức. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời các câu hỏi: + <i>Nêu những hiểu biết của em truyện truyền kì Việt Nam?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Giảng: Truyện kì mạn lục <i>(Ghi chép tùy hứng những chuyện kì lạ)</i> Tập truyện được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVI theo thể loại truyện kì. Truyện kì là một thể loại văn học có nguồn gốc từ Trung Quốc, phát triển mạnh vào đời nhà Đường. Tác phẩm gồm 20 truyện, được viết bằng chữ Hán với hình thức văn xuôi xen lẫn thơ, ca, từ, biền văn; cuối mỗi truyện đều có lời bình.	+ Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành đối tượng phản ánh đặc biệt nhằm thể hiện các ý niệm, khắc hoạ bức tranh phong phú về đời sống + Nhân vật được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật thâm thúy. (CHÚ Ý: yếu tố kì ảo và yếu tố tả thực) - Tác phẩm tiêu biểu: Truyện kì mạn lục (Nguyễn Dữ), Truyện kì tân phả (Đoàn Thị Điểm)... 2. Tác giả: Nguyễn Dữ a. Cuộc đời - Sống khoảng thế kỉ XVI, chưa rõ năm sinh và năm mất. - Quê quán: huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Phòng) Xuất thân trong gia đình có truyền thống khoa bảng. Cha là Nguyễn Tường Phiêu từng đỗ tiến sĩ và làm quan dưới triều Lê Thánh Tông từ năm 1496. - Bản thân ông từng là học trò giỏi của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Nguyễn Dữ thi đỗ cử nhân thời Lê – Mạc nhưng chỉ làm quan chưa đầy một năm, sau đó từ quan về quê sống ẩn dật trọn đời. b. Sự nghiệp sáng tác - Để lại tập truyện <i>Truyện kì mạn lục</i> 3. Tác phẩm “Truyện kì mạn lục”: - Sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVI theo thể loại truyện kì. - Tác phẩm gồm 20 truyện. - Viết bằng chữ Hán với hình thức văn xuôi xen lẫn thơ, ca từ, biền văn, cuối mỗi truyện đều có lời bình. - Đề tài phong phú, giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc. - Đỉnh cao của truyện kì Việt Nam thời trung đại.
--	--

Truyện Truyền kì thường kể về những câu chuyện kì lạ, sử dụng nhiều yếu tố kì ảo và xây dựng các nhân vật có hành trạng khác thường. Các tác giả trung đại Việt Nam đã sử dụng một cách sáng tạo thể truyền kì để phản ánh những vấn đề thiết yếu của con người, thời đại. Tiêu biểu như: <i>Truyện kì mạn lục</i> (Nguyễn Dữ), <i>Thánh tông di thảo</i> (Lê Thánh Tông), <i>Truyện kì tân phá</i> (Đoàn Thị Điểm), <i>Lan Trì kiến văn lục</i> (Vũ Trinh), ... <i>Truyện kì mạn lục</i> phong phú về đề tài, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc, được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyền kì Việt Nam thời trung đại, được Vũ Khâm Lân (thế kỉ XVII) khen là “thiên cổ kì bút”, được dịch ra và nghiên cứu ở nhiều nước. Nhiệm vụ 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời các câu hỏi: + <i>Vị trí của đoạn trích?</i> + <i>Tóm tắt đoạn trích?</i> + <i>Cho biết bố cục của đoạn trích?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	- <i>Truyện kì mạn lục</i> phong phú về đề tài, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc, được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyền kì Việt Nam thời trung đại, được Vũ Khâm Lân (thế kỉ XVII) khen là “thiên cổ kì bút”, được dịch ra và nghiên cứu ở nhiều nước. 4. Văn bản Tản Viên từ Phán sự lục (<i>Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên</i>): a. Vị trí: - Trích từ tập truyện <i>Truyện kì mạn lục</i>. b. Người kể chuyện: - Tác giả Nguyễn Dữ c. Tóm tắt - Ngô Tử Văn, một kẻ sĩ khảng khái, chính trực. Trong làng có ngôi đền bị hồn ma tác yêu tác quái, Tử Văn tức giận khấn trời và châm lửa đốt đền. - Tử Văn sốt mê man, mơ thấy tên hung thần đòi trả đền và đe dọa đưa xuống địa ngục - Tử Văn gặp Thổ công và được nghe kể rõ câu chuyện về viên tướng ở đền, bất bình muốn kiện Diêm Vương. - Trước Diêm Vương, Tử Văn đã tố cáo tên hung thần, bất hủn phải chịu tội, yêu cầu xin tư giấy đến đền Tản Viên để làm chứng. - Tên tướng bị Diêm Vương trừng phạt, Tử Văn được thưởng và trở về trần gian. - Tử Văn mất và nhận chức Phán sự ở đền Tản Viên. d. Bố cục - Chia làm 4 phần + Phần 1: Từ đầu đến “không cần gì cả”: Ngô Tử Văn và hành động đốt đền
--	--

- HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	+ Phần 2: “Đốt đèn xong” đến “khó lòng thoát nạn”: Tử Văn gặp hồn ma tên Bách hộ họ Thôi và Thổ công. + Phần 3: “Tử văn vâng lời” đến “không bệnh mà chết”: Tử Văn bị bắt và cuộc đối chất ở Minh ti + Phần 4: Còn lại: Tử Văn thắng lợi trở về và nhận chức Tản Viên.
---	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn trích: cuộc đấu tranh của nhân vật Ngô Tử Văn trên trần gian và dưới Minh ti, ý nghĩa những chi tiết hoang đường, kì ảo, ý nghĩa lời bình cuối câu chuyện...

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu cuộc đấu tranh trên trần gian của Ngô Tử Văn.		II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Cuộc đấu tranh trên trần gian của Ngô Tử Văn a. Giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn - Lai lịch: Tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang, là một trí thức nước Việt. - Tính cách: Khảng khái, nóng nảy, thấy gian tà là không chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. → Từ ngữ mang tính khẳng định. Cách giới thiệu trực tiếp, ngắn gọn theo phương pháp truyền thống của văn học trung đại → Gây sự chú ý của người đọc.
THẢO LUẬN NHÓM (5P)		b. Sự kiện đốt đèn tà
Nhóm 1 Giới thiệu nhân vật Ngô Tử Văn	+ Ngay từ đầu truyện, tác giả đã giới thiệu Ngô Tử Văn - nhân vật chính như thế nào? Em có nhận xét gì về cách giới thiệu đó của tác giả?	

Nhóm 2 Sự kiện đốt đền tà	+ Nguyên nhân Tử Văn đốt đền là gì? + Hành động đốt đền của Tử Văn diễn ra như thế nào? Có ý thức hay vô thức? Đáng trách hay không đáng trách? Ý nghĩa?	- Nguyên nhân: Tử Văn đốt đền vì ngôi đền ấy bị hồn ma tên tướng bại trận của Bắc triều chiếm giữ và tác quái. - Hành động: Chàng đã làm việc này một cách cẩn trọng, công khai, quyết liệt: “tắm gội sạch sẽ, khấn trời rồi châm lửa đốt đền”. - Ý nghĩa của hành động Tử Văn đốt đền: + Tử Văn tin vào hành động chính nghĩa của mình. + Thể hiện tinh thần khảng khái, cương trực của kẻ sĩ, quyết vì dân trừ hại. + Thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ qua việc diệt trừ hồn ma tên tướng giặc hung bạo, bảo vệ Thổ thần nước Việt, người từng có công giúp Lí Nam Đế chống ngoại xâm. c. Tử Văn gặp hồn ma Bách hộ họ Thôi <table><tr><th>Bách hộ họ Thôi</th><th>Tử Văn</th></tr><tr><td> - Khôi ngô, cao lớn đầu đội mũ trụ tự xưng là cư sĩ đòi dựng trả ngôi đền. - Dùng nguyên lí đạo Nho để buộc tội, lấy oai linh quỷ thần để hăm dọa => Bản chất xảo quyệt. </td><td> - “<i>Tử Văn mặc kệ vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên</i>”. => Đây không phải là hành động bất cần của kẻ liều lĩnh mà là hành động tự tin của người nắm được chính nghĩa. </td></tr></table> d. Tử Văn gặp Thổ Công <table><tr><th>Thổ Công</th><th>Tử Văn</th></tr><tr><td> - “Một ông già áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã tính tình khiêm tốn đến tỏ lời mừng”. - Kể lại sự tình. </td><td> - “Sao mà nhiều thần quá vậy?” - Tử Văn căn kẽ hỏi: “Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?” => Tin tưởng vào công lý, chính nghĩa. </td></tr></table>	Bách hộ họ Thôi	Tử Văn	- Khôi ngô, cao lớn đầu đội mũ trụ tự xưng là cư sĩ đòi dựng trả ngôi đền. - Dùng nguyên lí đạo Nho để buộc tội, lấy oai linh quỷ thần để hăm dọa => Bản chất xảo quyệt.	- “<i>Tử Văn mặc kệ vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên</i>”. => Đây không phải là hành động bất cần của kẻ liều lĩnh mà là hành động tự tin của người nắm được chính nghĩa.	Thổ Công	Tử Văn	- “Một ông già áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã tính tình khiêm tốn đến tỏ lời mừng”. - Kể lại sự tình.	- “Sao mà nhiều thần quá vậy?” - Tử Văn căn kẽ hỏi: “Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?” => Tin tưởng vào công lý, chính nghĩa.
Bách hộ họ Thôi	Tử Văn									
- Khôi ngô, cao lớn đầu đội mũ trụ tự xưng là cư sĩ đòi dựng trả ngôi đền. - Dùng nguyên lí đạo Nho để buộc tội, lấy oai linh quỷ thần để hăm dọa => Bản chất xảo quyệt.	- “<i>Tử Văn mặc kệ vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên</i>”. => Đây không phải là hành động bất cần của kẻ liều lĩnh mà là hành động tự tin của người nắm được chính nghĩa.									
Thổ Công	Tử Văn									
- “Một ông già áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã tính tình khiêm tốn đến tỏ lời mừng”. - Kể lại sự tình.	- “Sao mà nhiều thần quá vậy?” - Tử Văn căn kẽ hỏi: “Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?” => Tin tưởng vào công lý, chính nghĩa.									
Nhóm 3 Tử Văn gặp hồn ma Bách hộ họ Thôi	Cuộc đối mặt giữa Ngô Tử Văn với hồn ma tên tướng giặc (tự xưng là cư sĩ) diễn ra như thế nào? Chỉ rõ những chi tiết đó? Thái độ của Ngô Tử Văn?									
Nhóm 4 Tử Văn gặp Thổ Công	Cuộc gặp gỡ tiếp sau đó với ông già Thổ công được Thái độ của Tử Văn? Ý nghĩa của cuộc gặp gỡ đó?									

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

- 1 HS đại diện nhóm thuyết trình.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.

- Phán sự là chức quan xem xét về các vụ kiện tụng, giúp việc cho người xử án – đó là chức quan thực hiện công lí.

Nhiệm vụ 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: + Chức Phán sự là chức quan gì? + Tại sao Ngô Tử Văn được nhậm chức quan này? + Chi tiết Ngô Tử Văn nhậm chức có ý nghĩa gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Nhiệm vụ 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: + Lời bình cuối chuyện có ý nghĩa gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời.	- Bằng chính nghĩa và sự dũng cảm đấu tranh cho chính nghĩa, Ngô Tử Văn đã: + Diệt trừ tai họa do sự “hung yêu tác quái” của hung thần, đem lại an lành cho nhân dân. + Làm sáng tỏ nỗi oan ức, phục hồi danh vị cho Thổ Công nước Việt. + Trở thành người đảm nhiệm trọng trách giữ gìn công lí hay là biểu tượng của công lí, chính nghĩa được bất tử hoá... * Ý nghĩa: + Minh chứng cho quy luật tất yếu cái Thiện sẽ thắng cái ác, chính nghĩa sẽ thắng gian tà... + Tạo niềm tin cho con người, đề cao khát vọng trừ ác, trừ tà... 4. Lời bình cuối chuyện <i>“Than ôi! Người ta thường nói: “Cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời. Sao lại đoán trước là sẽ gãy mà chịu đổi cứng ra mềm?”</i> <i>Ngô Tử Văn là một chàng áo vải. Vì cứng cỏi cho nên dám đốt cháy đền tà, chống lại yêu ma, làm một việc hơn cả thần và người. Bởi thế được nổi tiếng và được giữ chức vị ở Minh ti, thật là xứng đáng. Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.”</i> - Kết thúc Chuyện chức phán sự đền Tản Viên thể hiện một cách sâu sắc triết lí dân gian ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác. - Lòng cảm phục và thái độ ngợi ca của Nguyễn Dữ đã được thể hiện một cách trực tiếp trong lời bình ngay sau kết thúc truyện. Theo ông, con người sống trên đời không sợ “cứng quá thì gãy” mà chỉ sợ không thể cứng được.
--	---

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Ngô Tử Văn - một kẻ sĩ nước Việt là người luôn giữ cho mình sự cứng cỏi để vượt qua mọi thế lực phi nghĩa.
--	--

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

- a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Ca ngợi tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn, một người trí thức nước Việt. - Bài học nhân sinh về chính – tà, thiện – ác. 2. Nghệ thuật: - Xây dựng cốt truyện giàu kịch tính, kết cấu chặt chẽ. - Dẫn dắt khéo léo, nhiều chi tiết gây sự chú ý, hấp dẫn. - Cách kể chuyện và miêu tả sinh động, hấp dẫn. - Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, nhưng vẫn mang nét hiện thực. Yếu tố kì ảo (Cuộc gặp gỡ giữa con người và hồn ma, con người và thần thánh, thế giới thực – ảo, trần thế

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	– địa ngục, chết đi – sống lại, khi chết Ngô Tử Văn làm quan...) → tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện. • Yếu tố thực → tăng sức thuyết phục cho các sự kiện và nhân vật được kể. - Sử dụng kiểu kết thúc có hậu, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo của văn học dân gian.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) Phân tích một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện trong Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài viết của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS sân khấu hoá văn bản. - HS tìm đọc “<i>Truyện kì mạn lục</i>” của Nguyễn Dữ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Soạn bài “*CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ*”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

VĂN BẢN 5. CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

- Nguyễn Tuân -

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kỳ nói riêng như: câu chuyện, không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

- + Năng lực sáng tạo: xác định và hiểu được những ý tưởng mà Nguyễn Tuân muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.
- + Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hđ thảo luận nhóm.
- + Năng lực giao tiếp TV: HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng TV.
- + Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học - tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật NT; biết rung động trước cái đẹp và tâm hồn đẹp; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

3. Phẩm chất

- Biết trân trọng con người vừa có tài vừa có đức; biết yêu quý và giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc; tự rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho nhân dân, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “MÀN GHÉP BÍ MẬT”

Câu 1: Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, các em được học văn bản kí “Cô Tô” của nhà văn nào?

- Nguyễn Tuân

Câu hỏi 2: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân?

- Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: tài hoa và độc đáo

Câu hỏi 3: Nguyễn Tuân quê ở đâu?

- Hà Nội

Câu hỏi 4: Truyện ngắn “Chữ người tử tù” còn có tên là ...?

- Giòng chữ cuối cùng

Câu hỏi 5: Truyện ngắn “Chữ người tử tù” in trong tập truyện?

- “Vang bóng một thời” (1940)

Câu hỏi 6: Đóng góp lớn của Nguyễn Tuân đối với nền văn học Việt Nam hiện đại là thể loại?

- Tùy bút, bút kí

- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả:

- GV: Cho HS xem video giới thiệu về Nguyễn Tuân https://www.youtube.com/watch?v=4NCoNS5K028 <i>Lưu ý: Xuất thân, phong cách</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Giảng (Tiểu sử và cuộc đời) Nguyễn Tuân sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn. Cha của ông là Nguyễn An Lan, một nhà nho tài hoa và yêu nước trong chế độ thực dân phong kiến. Ngay từ khi còn nhỏ, Nguyễn Tuân chịu ảnh hưởng rất nhiều từ cha mình. Thời niên thiếu, cuộc sống gia đình vất vả đã khiến cho ông phải di cư đến sinh sống ở nhiều tỉnh thành khác nhau và nơi ông sống lâu nhất là Thanh Hóa. Sinh ra trong thời kỳ chiến tranh, nước mất nhà tan, Nguyễn Tuân đã ý thức được rất sớm về trách nhiệm và lòng yêu quê hương, đất nước. Khi đang học đến bậc cuối của Thành chung Nam Định (Tương đương với cấp Trung học cơ sở hiện nay, tiền thân là Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong – Nam Định ngày nay), Nguyễn Tuân đã bị đuổi học vì tham gia vào cuộc bãi khóa phản đối giáo viên Pháp nói xấu người Việt năm 1929. Ít lâu sau, ông bị bắt vào tù vì qua biên giới Thái Lan mà không có giấy phép.	- Nguyễn Tuân (1910-1987), sinh tại Hà Nội. Sinh thời, ngoài tên thật là Nguyễn Tuân, ông còn có nhiều bút danh như: Nhất Lang, Thanh Thủy, Thanh Hà, Ngột Lôi Nhật, Ngột Lôi Quật, Ân Ngũ Tuyên, Tuấn Thừa Sắc. - Gia đình: nhà nho khi Hán học đã tàn. - Là bậc thầy trong việc sử dụng và sáng tạo ngôn từ tiếng Việt. - Nguyễn Tuân là một tác giả có đóng góp lớn cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại, đặc biệt thành công ở hai thể loại: truyện ngắn và tùy bút. - Phong cách nghệ thuật: Tài hoa, uyên bác. - Phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân có thể chia thành 2 giai đoạn chính: + Trước Cách mạng tháng Tám, phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân có thể được tóm gọn lại trong một chữ “ngông”. Ông luôn khát khao đi tìm cái đẹp, cái còn sót lại xung quanh 3 chủ đề chính là “Chủ nghĩa xê dịch”, “Vang bóng một thời” và “Đời sống trụy lạc”. + Sau Cách mạng tháng Tám, phong cách sáng tác của ông có nhiều biến chuyển quan trọng. Khi này, ông cho ra đời các tác phẩm xoay quanh đề tài quê hương đất nước, về tinh thần chiến đấu và lao động của nhân dân ta. Đồng thời, ông cũng mạnh dạn chỉ ra những mặt tiêu cực trong xã hội, ném đá vào kẻ thù của dân tộc. → Trong cả hai giai đoạn sáng tác của mình, Nguyễn Tuân đều đạt được những thành tựu vô
---	---

Sau khi ra tù, ông mới bắt đầu nên duyên với sự nghiệp viết lách và trở thành một trong những nhà văn tên tuổi hàng đầu Việt Nam. Bắt đầu sự nghiệp văn chương từ những năm 1935, nhưng đến năm 1938 Nguyễn Tuân mới thực sự nổi tiếng thông qua những tác phẩm tùy bút, bút ký có phong cách độc đáo, sáng tạo như Vang bóng một thời, Một chuyến đi,... Tới năm 1941, Nguyễn Tuân một lần nữa bị bắt giam vì có liên quan đến những người hoạt động chính trị. Giảng Phong cách sáng tác: Tài hoa, uyên bác. Phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân chịu ảnh hưởng rất lớn từ những tác động của tự nhiên, xã hội cùng những biến đổi của đất nước. Và có thể chia thành 2 giai đoạn chính: Trước Cách mạng tháng Tám và sau Cách mạng tháng Tám. + Suốt cuộc đời, Nguyễn Tuân đóng vai người lữ hành đi tìm cái đẹp, cái thật trong cái thế giới đẹp đẽ này mà không chịu dừng bước. Ông đi đây đi đó khắp nơi, từ những con ngõ nhỏ đến những ngôi chùa cổ kính, từ những buổi chợ phiên lao xao đến những cánh đồng lúa vàng ruộm. Tất cả những gì ông trải nghiệm, cảm nhận đều được ông ghi chép lại thành những trang văn tinh tế và giàu chất thơ. + Có cảm giác mỗi hơi thở trong cuộc sống của Nguyễn Tuân đều mang theo sự sáng tạo trong đó. Ông viết liên tục, say sưa với văn chương như thể đó là mục đích sống của mình. Có lẽ chính vì thế mà các tác phẩm của ông luôn chứa đựng một sức sống mãnh	cùng quan trọng. Nổi bật là sự tài hoa, uyên bác trong từng trang văn. - Tác phẩm tiêu biểu: Vang Bóng Một Thời (truyện ngắn, 1940), Thiếu Quê Hương (tùy bút, 1940), Cô Tô (kí, 1965) ... - Năm 1996 ông được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - nghệ thuật.
---	--

liệt, một cảm xúc chân thật và sâu sắc. Kết quả là những tác phẩm ấy khiến người đọc cảm nhận được sự tinh tế, rung cảm sâu sắc của con người, văn hoá của đất nước hình chữ S xinh đẹp này.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác phẩm “Chữ người tử tù”

+ Nêu những hiểu biết của em về truyện ngắn “*Chữ người tử tù*” ?

+ *Vị trí, xuất xứ?*

+ *Chủ đề?*

+ *Tóm tắt nội dung chính?*

+ *Đọc nhan đề văn bản có suy nghĩ gì?*

+ *Bố cục?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

2. Chữ người tử tù

a. Vị trí, xuất xứ:

- *Chữ người tử tù* được lần đầu trên tạp chí Tao Đàn (1938) với nhan đề “Giòng chữ cuối cùng, được in lại trong tập truyện *Văng bóng một thời* của Nguyễn Tuân.

- Hầu hết nhân vật chính trong *Văng bóng một thời* là những con người tài hoa mà lỡ thời, bất mãn, bế tắc trước xã hội đương thời. Họ là hiện thân của những vẻ đẹp còn sót lại của quá khứ: thú vui tao nhã, nếp sống thanh cao, nghĩa khí...

b. Chủ đề:

Ca ngợi vẻ đẹp tài hoa, thiên lương, khí phách của kẻ sĩ và sức mạnh của cái đẹp, cái thiện.

c. Tóm tắt:

- Chữ người tử tù nói về cuộc gặp gỡ của Huân Cao – giặc của triều đình và là người có tài viết chữ đẹp với Quản ngục – một người ngưỡng mộ tài năng của Huân Cao, trước khi ra pháp trường.

- Tại nhà ngục tối tăm, Huân Cao được Quản ngục đối đãi một cách trân trọng tử tế.

	- Huân Cao hiểu được tấm lòng và sở nguyện cao quý của quản ngục nên đã tặng những nét chữ vuông vắn cho viên quan này trước khi bị hành hình. d. Nhan đề: + Chữ: là chữ Hán, chữ khối vuông được viết bằng bút lông vừa có tính chất tạo hình vừa ít nhiều mang dấu ấn của người viết, cá tính riêng. + Người tử tù: là nhân vật Huân Cao, người nổi tiếng viết chữ đẹp, thiên lương trong sáng, khí phách hiên ngang, sáng tạo và còn biết trân trọng, nâng niu và gìn giữ nét văn hoá của người Việt → Nhan đề độc đáo, tạo tò mò và chứa tình huống. e. Bố cục: - Phần 1: từ đầu đến: “<i>xem sao rồi sẽ liệu</i>”: nhân cách, tài hoa của Huân Cao. - Phần 2: tiếp đó đến: “<i>tắm lòng trong thiên hạ</i>”: cảnh nhận tù và cách đối đãi đặc biệt của Quản Ngục với Huân Cao. - Phần 3: còn lại: cảnh cho chữ.
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn trích: tình huống truyện, nhân vật Huân Cao, Viên Quản Ngục, cảnh cho chữ...

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu về tình huống truyện “Chữ người tử tù” Giảng: Tình huống là cái tình thế xảy ra truyện; khoảnh khắc sự sống hiện ra đậm đặc, có khi chứa đựng cả một đời người, thể hiện mâu thuẫn hoặc quan hệ giữa nhân vật này với nhân vật khác hoặc mâu thuẫn trong lòng một nhân vật, quan hệ giữa nhân vật và xã hội, môi trường...góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng tác phẩm. - Toàn bộ truyện ngắn này xoay quanh sự kiện chính nào? - Cuộc gặp gỡ diễn ra ở đâu? Đó vốn là không gian như thế nào? Cuộc gặp gỡ diễn ra vào thời gian nào? Việc chọn không gian, thời gian ấy có tác dụng như thế nào trong việc xây dựng tình huống truyện? - Thảo luận nhóm theo bàn: Hãy cho biết thân phận và những mối quan hệ giữa các nhân vật trong tác phẩm? <u>Câu hỏi gợi ý:</u> + Bước vào cuộc gặp gỡ này Huân Cao đang ở trong hoàn cảnh nào? + Viên quản ngục đang phải thực thi nhiệm vụ gì?	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Tình huống truyện * Tình huống truyện: - là hoàn cảnh đặc biệt, bất thường mà ở đó con người bộc lộ một cách chân xác nhất những suy nghĩ, hành động, năng lực, cá tính của mình. - tình huống truyện chi phối chiều hướng con đường đời của nhân vật và đưa ra kịch tính cho câu chuyện. - Thể hiện mâu thuẫn hoặc quan hệ giữa nhân vật này với nhân vật khác hoặc mâu thuẫn trong lòng một nhân vật, quan hệ giữa nhân vật và xã hội, môi trường...góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng tác phẩm. * Tình huống truyện chính là cái cơ để nảy sinh sự việc. * Vai trò của tình huống truyện - Tính cách nhân vật được bộc lộ. - Góp phần thể hiện, chủ đề tư tưởng của tác phẩm. - Thể hiện tài năng khám phá hiện thực của nhà văn. * Tình huống truyện của “Chữ người tử tù” - Cuộc gặp gỡ tình cờ, oái oăm giữa Huân Cao- một tử tù nguy hiểm và thầy trò viên quản ngục. + Không gian: Nhà tù → Không phải là nơi dành cho những cuộc gặp gỡ. + Thời gian: Là những ngày cuối cùng trước khi ra pháp trường nhận án chém của Huân Cao. => Góp phần tạo nên kịch tính cho tình huống.

+ <i>Như vậy, xét trên bình diện xã hội Huấn Cao và viên quản ngục có mối quan hệ như thế nào?</i> + <i>Huấn Cao lại được biết đến với những tài năng gì?</i> + <i>Viên quản ngục lại có sở nguyện gì?</i> + <i>Như vậy, xét trên bình diện nghệ thuật Huấn Cao và viên quản ngục lại có mối quan hệ như thế nào?</i> + <i>Xây dựng những mối quan hệ ấy, tác giả đã tô đậm tính chất gì cho tình huống truyện?</i> - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Giảng: Huấn Cao được xây dựng từ nguyên mẫu là Cao Bá Quát, đó là nhân vật không chỉ nổi danh văn hay chữ tốt như đương thời truyền tụng là “Thần Siêu Thánh Quát” mà còn nổi tiếng là người cương trực, quý trọng tài năng và có bản lĩnh. Và đây cũng là con	- Huấn Cao: là người cầm đầu cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình, bây giờ đã bị bắt, bị xử án chém, là tử tù đang đợi ngày ra pháp trường. - Viên quản ngục: Là quan lại, là tay sai cho triều đình mục nát, tiếp quản Huấn Cao trong những ngày cuối cùng → Trên bình diện xã hội họ có quan hệ hoàn toàn đối địch. - Huấn Cao: Là người có tài viết chữ rất nhanh và đẹp (người tài hoa), là người có tài bẻ khoá, vượt ngục, người chỉ biết cúi đầu trước thiên lương (người có khí phách) - Viên quản ngục: có sự yêu thích đặc biệt với cái đẹp, ao ước có được chữ Huấn Cao. Viên quản ngục là một tấm lòng trong thiên hạ. → Trên bình diện nghệ thuật họ lại là tri kỉ. Ở họ đều có những phẩm chất cao quý mà người kia ngưỡng mộ. => Tình huống truyện độc đáo góp phần: - Tô đậm tính chất éo le, oái oăm cho tình huống truyện. - Nổi bật vẻ đẹp của hình tượng Huấn Cao. - Sáng tỏ tấm lòng biệt nhỡn liên tài của viên quản ngục. - Tạo nên kịch tính cho thiên truyện. Thể hiện sâu sắc chủ đề của tác phẩm. 2. Nhân vật Huấn Cao * <i>Nguyên mẫu: Cao Bá Quát</i> * <i>Cảnh ngộ:</i>
--	---

người đã cứng cỏi đứng lên tham gia cuộc lãnh đạo khởi nghĩa Mỹ Lương chống lại triều đình nhà Nguyễn hèn yếu và đã hy sinh trong 1 trận đánh. Tuy nhiên Cao Bá Quát chỉ là 1 chất liệu văn học còn phần nghĩa là hư cấu, sáng tạo của nhà văn để thể hiện trọn vẹn lý tưởng thẩm mỹ và quan niệm nghệ thuật của tác giả. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu về vẻ đẹp nhân vật Huân Cao - HS thảo luận nhóm: Chia lớp thành 4 nhóm - Thời gian hoạt động trong 7phút <i>Yêu cầu:</i> Nhóm 1: <i>Nguyên mẫu của nhân vật Huân Cao là ai? Nêu khái quát về cảnh ngộ của Huân Cao?</i> Nhóm 2: <i>Tìm những chi tiết nói về tài hoa của nhân vật Huân Cao.</i> Nhóm 3: <i>Có người cho rằng Huân Cao không chỉ là một nghệ sĩ mà còn là một người anh hùng với khí phách hiên ngang bất khuất? Hãy chứng minh?</i> Nhóm 4: <i>Tìm những chi tiết chứng minh Huân Cao có tâm hồn trong sáng, cao đẹp?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.	- Là thủ lĩnh của những kẻ ngang tàng, cầm quân chống lại triều đình, có hoài bão và khát khao lớn lao. - Bị sa cơ, bị kết án tử hình chờ ngày xét xử. a. Một người nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật thư pháp: - Người khắp vùng tỉnh Sơn khen Huân Cao là người có tài viết chữ: <i>“người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp “chữ ông Huân đẹp lắm, vuông lắm”.</i> → Miêu tả gián tiếp qua lời đồn. - <i>“Chữ ông Huân Cao đẹp lắm, vuông lắm ... có được chữ ông Huân mà treo là có một báu vật ở trên đời”.</i> → Sở nguyện và hành động bất chấp nguy hiểm của Viên quản ngục. - <i>“Chữ thì quý thực. ...”, “nét chữ vuông tươi tắn nói lên hoài bão tung hoành...”</i> → Ông Huân tự ý thức. => Tài viết chữ Hán - nghệ thuật thư pháp. - Ca ngợi tài của Huân Cao, nhà văn thể hiện quan niệm và tư tưởng nghệ thuật của mình: + Kính trọng, ngưỡng mộ người tài, + Trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc. b. Một con người có khí phách hiên ngang bất khuất: - Khí phách hiên ngang của Huân Cao được bộc lộ ở cách mà ông chống lại triều đình, ông là người đứng đầu dám chống lại xã hội phong kiến thối nát lúc bấy giờ. Ngay cả khi lãnh án tử hình,
--	--

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	là người anh hùng thất thế nhưng khí phách vẫn toả sáng. - Là người cầm đầu cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại triều đình, bị bắt, đang chờ xử chém. Nhưng vẫn ung dung không sợ sệt trước lời đe dọa của bọn lính: “Huấn Cao lạnh lùng chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thềm đá tảng đánh thuỳnh một cái”. Anh hùng thất thế nhưng khí phách vẫn toả sáng. => Coi khinh, coi bọn lính và thầy Quản ngục như lũ rệp kia. - Ngay khi đặt chân vào nhà ngục: + Trước câu nói của tên lính áp giải: không thèm để ý, không thèm chấp. + Thản nhiên rũ rệp trên thang gông: “<i>Huấn Cao lạnh lùng ... nâu đen</i>” => Đó là khí phách, tiết tháo của nhà Nho uy vũ bất năng khuất. - Khi được viên quản ngục biệt đãi: “<i>Thản nhiên nhận rượu thịt</i>” như “<i>việc vẫn làm trong cái hứng bình sinh</i>” => Phong thái tự do, ung dung, xem nhẹ cái chết. Đối mặt với cái chết chỉ như bước dạo chơi ở nhân gian khói bụi. - Trả lời quản ngục bằng câu nói khinh bạc “<i>Người hỏi ta muốn gì ...vào đây</i>”. => Hoàn cảnh ngục tù không làm thay đổi Huấn Cao, một con người ung dung, đường hoàng. - Hình ảnh người tù cổ mang gông, chân vướng xiềng mà vẫn tạo nên được những nét chữ vuông tươi tắn, nói lên cái hoài bão tung hoành của một
---	--

	đời con người => thân xác bị trói buộc nhưng tư tưởng, tâm hồn vẫn khoáng đạt, tự do. Khí phách của người anh hùng chính nghĩa. => Huân Cao trở thành một biểu tượng lồng lộng khí phách, như một ngôi sao băng sắp từ biệt vũ trụ mà ánh sáng chói lòa của nó vẫn còn tỏa sáng. <i>c. Huân Cao - một nhân cách, một thiên lương cao cả:</i> - Thiên lương: + Lương: tốt đẹp + Thiên: như trời phú bẩm - Thiên lương: là bản tính tốt đẹp của con người, là cái tâm, cái tấm lòng. - Nói Huân Cao là người có thiên lương vì bản thân Huân Cao là một người có thiên lương. Huân Cao đã thắp sáng thiên lương trong lòng người khác. - Ông là người chính trực, khẳng khái, có nhân cách thanh cao: + “<i>Tính ông vốn “khoảnh”, trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ</i>” + “<i>Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ</i>” + “<i>Cả đời ta mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi</i>”. => Con người có cốt cách thanh cao, khẳng khái, chính trực, quyền thế, vàng bạc không khuất phục được Huân Cao.
--	--

	- Huân Cao là một người kiêu bạc, coi khinh cường quyền nhưng lại dễ mềm lòng trước những tấm lòng: + <i>Lúc chưa hiểu Quản ngục</i>: ông khinh bạc đến điều. Trong suy nghĩ của ông, ngục quan là những kẻ tiểu nhân. + <i>Sau khi hiểu được sở nguyện cao quý và tấm lòng của Quản ngục</i>: cảm động và đồng ý cho chữ Quản ngục. - Câu nói của Huân Cao: “ <i>Thiếu chút nữa ... trong thiên hạ</i> ” => Sự trân trọng đối với những người có sở thích thanh cao, có nhân cách cao đẹp. => Huân Cao là một anh hùng - nghệ sĩ, một thiên lương trong sáng. - <i>Huân Cao đã thắp sáng thiên lương trong lòng người khác</i>: lời khuyên dành cho Quản ngục trong cảnh cho chữ: Thay đổi chỗ ở, bỏ nghề, giữ thiên lương cho lành vững vì có thiên lương rồi mới thưởng thức được cái đẹp. => Huân Cao muốn Quản ngục là người có thiên lương, bởi cái thiện là gốc của cái mỹ, người muốn thưởng thức cái đẹp phải là người có tấm lòng, có cái tâm. * Nhận xét về nhân vật Huân Cao: - Xây dựng nhân vật Huân Cao Nguyễn Tuân đã dựa vào nguyên mẫu con người có thực trong lịch sử - Cao Bá Quát. - Huân Cao là nhân vật lý tưởng có sự kết hợp hài hòa giữa tâm và tài.
--	---

Giảng: Trái với phong tục nhân tù hàng ngày: ngày thường sẽ không làm như thế, sẽ là những đòn đánh phủ đầu, những thủ đoạn tra tấn ác liệt bởi không như thế làm sao viên quản ngục có thể tồn tại và giữ vị thế của mình. Chính những tên lính áp giải tù nhân cũng rất ngạc nhiên trước cách hành xử của ngục quan. Nhiệm vụ 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu về vẻ đẹp nhân vật Viên quản ngục - <i>Cảnh ngộ của viên quản ngục?</i> - <i>Viên quản ngục là người có phẩm chất như thế nào?</i> - <i>Tấm lòng của viên quản ngục?</i> Thảo luận nhóm theo bàn: - <i>Qua nhân vật VQN, NT muốn thể hiện những suy nghiệm nào về con người và cái đẹp?</i> - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. - HS trình bày.	- Huân Cao là con người của một thời vang bóng: Con người ấy, cái đẹp ấy đều thuộc về quá khứ để chối bỏ với con người tầm thường thô tục. * <i>Quan điểm của Nguyễn Tuân:</i> - Cái đẹp và cái thiện không thể tách rời nhau. - Một nhân cách đẹp bao giờ cũng là sự thống nhất giữa cái tâm và cái tài. Quan niệm thẩm mỹ của Huân Cao cũng là quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Tuân, đó là một quan niệm thẩm mỹ tiến bộ lúc bấy giờ. → Điều này cũng nói lên được tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của nhà văn được gói gắm một cách kín đáo. 3. Nhân vật Viên Quản ngục a. Cảnh ngộ: - Là người đại diện cho hệ thống pháp luật phong kiến, nắm giữ công xiềng. - Sống trong hoàn cảnh đen tối, bản thủ, dễ đẩy con người vào vũng bùn tội lỗi, tha hóa. b. Phẩm chất: b.1. Quản ngục là một người có thiên lương trong sáng * Thái độ của QN với HC: - Khi nhận công văn: + Nhắc đến Huân Cao với sự kính phục. + Sai người quét dọn buồng giam - <i>Khi nhận tù:</i> Cặp mắt hiền từ nói rõ lòng kiêng nể, kính trọng. - <i>Sau khi nhận tù:</i> Có hành động “biệt nhỡn liên tài” với Huân Cao, đáp ứng mọi yêu cầu của Huân Cao, bị Huân Cao sỉ nhục vẫn lễ phép.
--	--

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Nhiệm vụ 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảnh cho chữ - cảnh tượng xưa nay chưa từng có. Gv chia lớp thành 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ: - <i>Nhóm 1: Phân tích hoàn cảnh, địa điểm cho chữ.</i> - <i>Nhóm 2: Phân tích tư thế của người cho chữ và người nhận chữ.</i> - <i>Nhóm 3: Phân tích biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng khi tái hiện cảnh cho chữ và phân tích hiệu quả của nó.</i> - <i>Nhóm 4: Nêu ý nghĩa của cảnh cho chữ.</i> - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm.	- Có tâm hồn nghệ sĩ, say mê và quý trọng cái đẹp: <i>“sở nguyện cao quý”</i> → được một đôi câu đối do tay ông Huân Cao viết. - Có tấm lòng biệt nhỡn liên tài, <i>“biết giá người, biết trọng người ngay”</i>. => Đây chính là phẩm chất khiến Huân Cao cảm kích coi là <i>“một tấm lòng trong thiên hạ”</i> và tác giả thì xem ngục quan là <i>“một thanh âm trong treo chen vào giữa bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ”</i>. => Quan điểm nghệ thuật của tác giả: - Trong mỗi con người đều có một người nghệ sĩ, đều ẩn chứa một tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. - Cái đẹp chân chính trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được “phẩm chất”, nhân cách. → Cái đẹp tồn tại ở trong môi trường của cái ác, cái xấu, nhưng không vì thế mà nó lụi tàn, trái lại nó càng bền bỉ và mạnh mẽ. b.2. Quan ngục là kẻ biết “biệt nhỡn liên tài” - Là kẻ đại diện cho trật tự xã hội đương thời nhưng quan ngục lại có một thú chơi tao nhã – chơi chữ. Ngay từ khi còn trẻ, khi mới biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, quan ngục đã có cái sở nguyện “một ngày kia được treo ở riêng nhà mình một đôi câu đối do chính tay ông Huân Cao viết”. Đối với y, có được chữ của Huân Cao là có một báu vật trên đời. Vì vậy, quan ngục đã biệt đãi Huân Cao - điều mà y thừa biết rằng nhẹ thì mất nghiệp, nặng thì quí vào tội đồng lõa với phạm nhân.
---	---

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Giảng: Cảnh cho chữ • Đây là cảnh tượng xưa nay chưa từng có. Một cảnh tượng thiêng liêng, độc đáo, giàu ý nghĩa. • Thời gian: diễn ra trong đêm tối của ngục tù, khi Huân Cao sắp ra pháp trường. • Không gian: buồng giam chật hẹp, ẩm thấp, hôi hám, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián. • Con người: một tử tù, một quản ngục và một thầy thơ lại. Trong khung cảnh ấy, Huân Cao – một tử tù – lại đang say mê viết chữ, nét chữ vuông vắn, tươi tắn, đẹp đẽ. Quản ngục thì khúm núm cất giữ những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ tươi tắn vừa viết. Viên thơ lại thì run run bưng chậu mực. Cảnh cho chữ là cảnh tượng “xưa nay chưa từng có”: lẽ ra phải diễn ra ở nơi sang trọng, thanh khiết, thì nay lại diễn ra trong ngục tối tăm, nhơ bẩn; lẽ ra người cho chữ phải là bậc hiền nhân, người nhận chữ phải là kẻ trân trọng, nhưng nay kẻ cho chữ lại là tử tù, kẻ nhận chữ lại là viên quan coi ngục. →	- Là người có sở nguyện cao quý, đồng thời cũng là kẻ biệt nhỡn liên tài. Mặc dù, chưa biết mặt Huân Cao dù chỉ nghe danh Huân Cao nhưng ông vẫn một mực kính trọng và nể phục. Ông rất cho toàn, sai lính quét dọn phòng giam để đón Huân Cao, có cái nhìn kiêng nể với ông Huân. Thậm chí còn hạ mình vào tận trong trại giam hỏi Huân Cao cần thêm gì không. Ngay cả khi bị sỉ nhục, ông ta vẫn lui ra lễ phép với câu nói “xin lĩnh ý” → Con người ấy dù là đại diện cho trật tự xã hội đương thời, đại diện của bạo lực, tăm tối nhưng ông lại biết trân trọng người tài – tâm thế của kẻ sĩ biết trọng cái đẹp từ trong tâm, tài. 4. Cảnh cho chữ a. Cảnh tượng xưa nay chưa từng có: - Hoàn cảnh, địa điểm cho chữ: diễn ra ở giữa nhà tù - nơi ngự trị của bóng tối, cái ác. - Tư thế của những người cho chữ, nhận chữ: + Người nắm quyền sinh sát: khúm núm, sợ sệt + Tử tù: ung dung đường bệ. - Kẻ có chức năng giáo dục tội phạm thì đang bị tội phạm “giáo dục”. b. Thủ pháp khắc họa cảnh cho chữ - Nghệ thuật: đối lập, tương phản. + Đối lập giữa ánh sáng và bóng tối. + Đối lập giữa cái xô bồ, hỗn loạn, nhơ bẩn của nhà tù với cái thanh khiết, cao cả của nền lụa trắng, của nét chữ đẹp đẽ.
--	--

Điều này thể hiện quan niệm của Nguyễn Tuân: cái đẹp, cái thiện có thể nảy mầm và tỏa sáng ngay cả trong bóng tối, cái tài gắn liền với cái tâm, cái đẹp gắn liền với cái thiện. Cảnh cho chữ không chỉ là cảnh tượng độc đáo, mà còn là đỉnh cao tư tưởng của tác phẩm. Qua đó, Nguyễn Tuân khẳng định: 1. Cái đẹp bất diệt: Trong khung cảnh đầy tăm tối của ngục tù, cái đẹp của nghệ thuật vẫn tỏa sáng rực rỡ. Những nét chữ Huân Cao hiện lên như ánh sáng phá tan bóng tối, khẳng định sức mạnh bất tử của cái đẹp. 2. Sự chiến thắng của cái thiện: Trong cảnh cho chữ, Huân Cao không chỉ đem lại cái đẹp cho đời, mà còn cảm hóa viên quản ngục, làm cho ông hướng thiện, sống xứng đáng hơn. Quản ngục quý lạy Huân Cao, xin được treo chữ để giữ thiên lương. → Cái thiện đã chiến thắng cái ác. 3. Ý nghĩa nhân sinh sâu sắc: Cái đẹp gắn liền với cái thiện, cái tài phải đi cùng cái tâm. Người nghệ sĩ chân chính là người giữ gìn thiên lương, biết sống cao cả.	+ Đối lập giữa tư thế của kẻ tử tù đang ban phát cái đẹp và cái thiện với viên quan coi ngục đang khúm núm, lĩnh hội, vái lạy. - Nhịp điệu gợi liên tưởng một đoạn phim quay chậm: Từ bóng tối đến ánh sáng. Từ hồi hám, nhor bản đến cái đẹp. c. Lời khuyên của Huân Cao - Từ bỏ chốn ngục tù như bản. - Tìm về chốn thanh tao. - Giữ thiên lương cho lành vững - Di huấn của người tử tù nhắn tới người đọc: → Muốn chơi chữ phải giữ lấy thiên lương. → Trong môi trường của cái ác, cái đẹp khó có thể tồn tại. → Chơi chữ đâu chỉ là chuyện chữ nghĩa. Đó là chuyện cách sống, chuyện văn hóa. d. Hành động báilĩnh của Viên Quản ngục “Kẻ mê muội này xin báilĩnh” - Cái đẹp, cái thiện có sức mạnh cảm hóa con người. - Niềm tin vững chắc vào con người, nhà văn khẳng định: thiên lương là bản tính tự nhiên của con người. - Dù trong hoàn cảnh nào, con người vẫn luôn khát khao hướng tới <i>chân – thiện – mỹ</i>. => Giá trị nhân văn của tác phẩm. → Đánh giá: Phải chăng tác giả nhằm mục đích đề cao cái đẹp, sự sáng tạo của cái đẹp. Cái đẹp có thể xuất hiện ở bất kỳ lúc nào, nơi nào trong cuộc đời, ngay cả trong ngục thất, trong cả những hoàn cảnh bị đọa
---	--

	đầy tăm tối. Ta bắt gặp nhiều trường hợp như thế trong cuộc đời: “Thân dẫu lao tù trong cảnh hiểm Trí còn theo dõi buổi tung hoành” (Nhấn bạn - Hoàng Văn Thụ) “Nhật ký trong tù” toả sáng tâm hồn “Đại nhân, đại trí, đại dũng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã khẳng định: “Ngục tối trái tim càng sáng rực, Xích xiềng không khoá nổi lời ca” (Đọc thơ Bác) Trong trường hợp của Huân Cao, bạo lực không thể ngăn, dập tắt cái đẹp, cái đẹp vẫn từ đáy mà toả sáng.
--	--

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

- a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm.	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Ca ngợi những con người tài hoa, có khí phách. - Khẳng định sức mạnh của cái đẹp, cái thiện. - Thông điệp tác phẩm: hãy giữ thiên lương dù hoàn cảnh có nghiệt ngã đến đâu. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong xã hội đen tối thời bấy giờ. 2. Nghệ thuật - Tác phẩm thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Tuân trong việc tạo dựng tình huống truyện độc đáo,

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	trong nghệ thuật dựng cảnh, khắc họa tính cách nhân vật, tạo không khí trăn trọng, cổ kính cho câu chuyện và trong việc sử dụng thủ pháp đối lập, ngôn ngữ giàu tính tạo hình.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) Phân tích một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong truyện “Chữ người tử tù”. (Gợi ý: - Xây dựng tình huống truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện, cấu trúc tình tiết, lời thoại và độc thoại, khắc họa tính cách nhân vật. Các từ ngữ Hán Việt được sử dụng rất đắt, tạo màu sắc cổ kính) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài viết của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS sân khấu hoá văn bản. - GV yêu cầu HS: Hoá thân thành nhân vật Huấn Cao, Viên Quản ngục kể lại câu chuyện. (Có phiếu bài tập). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Soạn bài “*THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT*”

Ngày soạn:

Ngày dạy:.....

BÀI 1 SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết và hiểu được nghĩa của từ Hán Việt
- Biết lựa chọn từ ngữ chính xác mang lại hiệu quả giao tiếp cao.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Năng lực nhận biết và sử dụng từ Hán Việt.

3. Phẩm chất

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: AI NHANH AI ĐÚNG

Câu hỏi: Sắp xếp các từ sau thành hai nhóm từ Hán Việt và từ Thuần Việt: *Gia đình, vợ, chồng, lịch sử, ăn, uống, tự nhiên, đức cao vọng trọng, cười, bơi, vân vân, nằm, khát, ản ý, ản sĩ, trốn, gáy, cường quốc, dịch giả, tác giả, khán giả, mỏ, mâm, rá văn sĩ, thi sĩ, viễn cảnh, cận cảnh, chum, nôi, giáo viên, mây.*

- GV gọi 2 HS lên bảng, HS nào làm nhanh và đúng nhiều hơn sẽ là người chiến thắng.

HÁN VIỆT	THUẦN VIỆT
Gia đình, lịch sử, tự nhiên, đức cao vọng trọng, vân vân, ản ý, ản sĩ, cường quốc, dịch giả, tác giả, khán giả, văn sĩ, thi sĩ, viễn cảnh, cận cảnh, giáo viên.	Vợ, chồng, ăn, uống, cười, bơi, nằm, khát, trốn, gáy, mỏ, mâm, rá, chum, nôi, mây.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục đích: Giúp học sinh thực hành, làm được bài tập về từ Hán Việt.

b. Nội dung: HS theo dõi SGK làm bài tập.

c. **Sản phẩm:** Bài làm của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS tự tìm hiểu trên các kênh mạng, tài liệu về từ Hán Việt và trả lời các câu hỏi sau: + Từ Hán Việt là gì? + Từ Hán Việt chia thành mấy loại? + Đặc điểm của từ Hán Việt? - Gọi HS lên bảng trình bày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ , trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS làm bài. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Ôn tập lí thuyết 1. Khái niệm - Từ Hán Việt là những <u>từ</u> và <u>ngữ tố tiếng Việt</u> bắt nguồn từ <u>tiếng Hán</u> và những từ tiếng Việt được người nói tiếng Việt tạo ra bằng cách ghép các từ và hoặc ngữ tố tiếng Việt gốc Hán lại với nhau. 2. Phân loại - Chia thành 3 loại: từ Hán Việt cổ, từ Hán Việt Việt hóa và từ Hán Việt. + Những từ Hán Việt cổ là các từ tiếng Hán được dùng nhiều trong Tiếng Việt trước thời nhà Đường. Chẳng hạn như : phụ (bố), phiền (buồn), trà (chè),... + Từ Hán Việt được dùng trong tiếng Việt ở đầu thế kỷ 10. Nguồn gốc của chúng từ tiếng Hán thời Đường. <i>Hán Việt cổ bắt nguồn từ tiếng Hán trước thời Đường.</i> Chẳng hạn như: gia đình, tự nhiên hay lịch sử. + Từ Hán Việt mà không nằm trong hai trường hợp trên chính là từ Hán Việt Việt hóa. Quy luật của chúng biến đổi ngữ âm rất khác nhau. Hiện nay các nhà khoa học vẫn đang miệt mài nghiên cứu về vấn đề này. Chẳng hạn: “guang” trong âm Hán Việt là “kính”, “vợ” trong âm Hán Việt là “phụ”, “thuê” trong âm Hán Việt là “thuê”,... 3. Đặc điểm

- GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn kiến thức	- Nhiều từ Hán Việt được sử dụng trong từ vựng tiếng Việt. Chúng mang nhiều sắc thái, ý nghĩa, biểu cảm và phong cách khác nhau. Sắc thái ý nghĩa thường mang ý nghĩa khái quát và trừu tượng. Chẳng hạn như: thảo mộc = cây cỏ, thổ huyết = học máu,.... - Từ Hán Việt dùng để thể hiện sắc thái biểu cảm tức là thể hiện cảm xúc. Ví dụ như chết = băng hà, phu quân = chồng,... - Đối với nhiều từ Hán Việt mang sắc thái phong cách được dùng riêng biệt hơn. Chúng được sử dụng nhiều trong lĩnh vực chính luận, khoa học hay hành chính. Trong Tiếng Việt có sắc thái bình thường hơn và khá đơn giản. Ví dụ như: thiên thu = ngàn năm, huynh đệ = anh em,.... 4. Nhận biết một số lỗi dùng từ Hán Việt: - Dùng sai văn cảnh - Dùng từ sai vì không hiểu nghĩa gốc Hán Việt - Sai vì không phân biệt được tiếng Hán Việt với tiếng thuần Việt (tiếng Nôm) - Lạm dụng từ Hán Việt 5. Yêu cầu về sử dụng từ Hán Việt: • Nói hoặc viết đúng các từ giữa Hán Việt và thuần Việt nhằm tránh sai nghĩa. • Hiểu bản chất nghĩa của từ Hán Việt. • Dùng đúng sắc thái biểu cảm, tình huống giao tiếp. • Tránh lạm dụng từ Hán Việt trong văn chương và đời sống hằng ngày.
--	---

	=> Sử dụng từ Hán Việt hợp lí, đúng ngữ cảnh sẽ khiến cho câu văn hàm súc, trang trọng. Nhưng cần tránh các trường hợp lạm dụng từ Hán Việt.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm bài tập 1,2,3 trong SGK. - Gọi HS lên bảng trình bày. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm.	Bài 1: a. - Tiên triêu: triều đại trước - Hàn sĩ: người học trò nghèo b. - Khoan dung: rộng lòng tha thứ cho người có lỗi lầm - Hiếu sinh: tôn trọng sự sống, không sát sinh, tránh những hành động gây hại đến sự sống của muôn loài c. - Nghĩa khí: chí khí của người nghĩa hiệp d.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Hoài bão: ấp ủ trong lòng ý muốn làm những điều lớn lao và tốt đẹp. - Tung hoành: hoạt động một cách mạnh mẽ, ngang dọc theo ý muốn, không điều gì có thể ngăn cản Bài 2: a. 5 từ Hán Việt: nhất sinh, quyền thế, tứ bình, trung đường, thiên hạ b. Giả sử thay từ “tứ bình” thành “bộ tranh gồm 4 bức treo liền với nhau” Đời ta cũng mới viết có hai bộ tranh gồm 4 bức treo liền với nhau và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. => Sự thay thế khiến câu văn trở nên dài dòng, làm giảm đi tính trang trọng của tranh tứ bình c. Ý nghĩa của việc sử dụng từ Hán Việt - Tạo ra một không khí cổ kính của một thời vang bóng - Khiến lời nói của nhân vật thêm phần tôn nghiêm, trang trọng. Bài 3: - Cương chính: Một người cương chính sẽ không bao giờ làm trái pháp luật. - Chính trực: Anh ấy là một người chính trực, công tư phân minh - Cơ hàn: Khi dịch bệnh xảy ra, gia đình ấy đã lâm vào cảnh cơ hàn.
--	--

	- Tiến sĩ: Cô ấy học rất giỏi, đã lên đến bậc tiến sĩ. - Hiếu thảo: Mỗi người con cần biết bày tỏ tâm lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. - Sát sinh: Phạt dạy mỗi người cần tu tâm tích đức, không được sát sinh.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Bài tập 4: (Sgk) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm.	a. Lỗi dùng từ: trí thức (người chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình). Không thể nói tích lũy nhiều “người làm việc lao động trí óc” => Sửa: tri thức (những hiểu biết về vạn vật xung quanh do con người tích lũy được) Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều tri thức bổ ích. b. Lỗi dùng từ: hàn sĩ (người học trò nghèo) không phù hợp nghĩa với “sự cứng cỏi, ngang tàng”, ngoài ra, đây là danh từ chỉ chung một chức danh, cần một số từ đứng trước để phù hợp với chủ ngữ

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Tại phiên toà nơi cỗi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của một bậc dũng sĩ.
--	--

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài mới VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ

MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS giới thiệu được ngắn gọn về tác phẩm truyện (*nhân đề, tên tác giả,...*) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Biết tóm tắt tác phẩm truyện (*vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính*).
- Phân tích được cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (*chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng*) với những cứ liệu sinh động.
- Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.
- HS viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK, SBT văn 10.
- Máy chiếu, máy tính
- Phiếu bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, vở soạn, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: *Theo em, trong các trường hợp nào chúng ta cần sử dụng văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện?*

- HS suy nghĩ trả lời.

+ Khi viết bài giới thiệu sách

+ Khi tham gia ngày hội sách

+ Các trang giới thiệu, quảng cáo sách

- GV dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Hs sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: - <i>HS theo dõi SGK tìm hiểu và nắm được nội dung chính .</i> - <i>Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện cần đạt các yêu cầu?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	I. Kiến thức chung 1. Định hướng - Trước một tác phẩm truyện, mỗi người đọc có thể có những cảm nhận, quan điểm riêng biệt. Khi cần chia sẻ những cảm nhận, quan điểm đó, chúng ta có thể sử dụng kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện. - Ở dạng bài viết này, bạn cần làm rõ chủ đề của truyện là gì, truyện có những nét đặc sắc nào về hình thức nghệ thuật. Để việc giải đáp các vấn đề đó có sức thuyết phục, bạn hãy chú ý vận dụng những kiến thức về thể loại đã được học trong phần Tri thức ngữ văn. 2. Yêu cầu - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả, ...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.

- HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. Giảng: Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện - Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện là dạng bài mà ở đó ta bày tỏ những nhận xét, quan điểm riêng biệt. - Các yếu tố của truyện gồm: - Chủ đề - Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: nhan đề, cốt truyện, nhân vật, tình huống truyện, lời thoại, ngôi kể... Ví dụ: + Yếu tố kì ảo trong truyện thần thoại.	- Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính). - Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động. - Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. - Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện. 3. Tìm hiểu bài mẫu: Giá trị hay là sự vô giá của quà tặng trong truyện ngắn Quà Giáng sinh của O. Hen-ry - Vấn đề chính được bàn luận là: Giá trị hay là sự vô giá của quà tặng trong truyện ngắn “Quà giáng sinh” của O. Hen - ry - Bài nghị luận cung cấp đến bạn đọc các tri thức về truyện ngắn “<i>Quà Giáng sinh</i>” bao gồm: tình huống truyện độc đáo, kết truyện hấp dẫn, ngôi kể thứ ba khách quan và chủ đề câu chuyện rất sâu sắc. Qua đó, người đọc hiểu truyện ngắn “Quà giáng sinh” của O. Hen-ry là một tác phẩm thành công, có sức sống lâu bền, thu hút nhiều độc giả và gửi gắm nhiều thông điệp cuộc sống ý nghĩa. - Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự từ các yếu tố nghệ thuật đến giá trị nội dung của tác phẩm.
---	--

+ Tình huống cho chữ trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

Yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả, ...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính).
- Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.
- Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (5 phút), ghi kết quả vào phiếu bài tập.

1. Vấn đề chính được bàn luận là gì?

2. Bài nghị luận trên giúp người đọc có được hiểu biết gì về truyện ngắn “Quà Giáng sinh”?

3. Tác giả bài viết đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học

- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

--	--

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Hiểu được các viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
Nhiệm vụ 1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS hoàn thiện phiếu bài tập. * Lựa chọn tác phẩm * Để tìm ý, có thể đặt ra các câu hỏi: <table border="1"> <tr> <th colspan="2">PHIẾU BÀI TẬP</th></tr> <tr> <td>Lựa chọn tác phẩm:</td><td></td></tr> <tr> <td>1. Vì sao tác phẩm này được lựa chọn để phân tích, đánh giá? Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm?</td><td></td></tr> <tr> <td>2. Câu chuyện trong truyện diễn ra như thế nào?</td><td></td></tr> </table>	PHIẾU BÀI TẬP		Lựa chọn tác phẩm:		1. Vì sao tác phẩm này được lựa chọn để phân tích, đánh giá? Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm?		2. Câu chuyện trong truyện diễn ra như thế nào?		II. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn một tác phẩm truyện mà bạn yêu thích, gợi cho bạn nhiều hứng thú và suy ngẫm. - Gợi ý: Truyện “Chữ người tử tù” – Nguyễn Tuân. - Đọc lại để nắm bắt tác phẩm ở mức độ khái quát nhất, xác định những yếu tố hay vấn đề của tác phẩm sẽ được phân tích, đánh giá (<i>chủ đề, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, lời thoại, ...</i>). 2. Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý: - Vì sao tác phẩm này được lựa chọn để phân tích, đánh giá? Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm? → “Chữ người tử tù” là tác phẩm kết tinh tài năng của Nguyễn Tuân trước Cách mạng, được đánh giá
PHIẾU BÀI TẬP									
Lựa chọn tác phẩm:									
1. Vì sao tác phẩm này được lựa chọn để phân tích, đánh giá? Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm?									
2. Câu chuyện trong truyện diễn ra như thế nào?									

		là “một văn phẩm đạt gần tới sự toàn thiện, toàn mĩ”.
3. Chủ đề của truyện là gì?		- Câu chuyện trong truyện diễn ra như thế nào?
4. Truyện có những nét đặc sắc nào về nghệ thuật (cách xây dựng cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, lời thoại,...)?		→ Huân Cao là một tử tù bị bắt giam chịu sự quản lí của viên quản ngục. Viên quản ngục lại rất yêu thích chữ Huân Cao, đã nhiều lần biệt đãi và xin Huân Cao cho chữ nhưng chỉ nhận lại sự khước từ lạnh lùng. Trong đêm cuối cùng trước khi ra pháp trường, Huân Cao hiểu tấm lòng viên quản ngục, đã đồng ý cho chữ, cảnh cho chữ diễn ra trong nhà lao, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có.
5. Những câu, đoạn nào trong truyện cần được trích dẫn và phân tích để làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật?		- Chủ đề của truyện là gì?
6. Cần nhận xét, đánh giá như thế nào về thành công hay hạn chế của tác phẩm?		→ “Chữ người tử tù”: tôn vinh cái đẹp, cái tài, khẳng định sự bất tử của cái đẹp trong cuộc đời.
		- Truyện có những nét đặc sắc nào về nghệ thuật (cách xây dựng cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, lời thoại, ...)?
		→ Nhận xét: Bút pháp lãng mạn, lý tưởng hóa: Miêu tả con người trong sự toàn thiện, toàn mĩ; Thủ pháp đối lập; Ngôn ngữ cổ kính, giàu tính tạo hình,
		- Những câu, đoạn nào trong truyện cần được trích dẫn và phân tích để làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật?
		→ Những câu, những đoạn cần chú ý:
		+ Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dục dằn và lòng biết

* Phân bố các ý tìm được ở trên vào từng phần của của bài viết theo gợi ý sau: 1. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhân đề, tên tác giả...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm. Chia sẻ với người đọc lí do bạn lựa chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá, điều khiến bạn yêu thích tác phẩm. 2. Thân bài: + Tóm tắt nội dung chính của truyện. + Phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm. + Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. Mỗi phân tích, đánh giá đều cần có những chi tiết tiêu biểu được dẫn ra từ tác phẩm. 3 Kết bài: Tóm lược các nhận định trong phần thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm, đưa ra một số ý tưởng mở rộng, ... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ. + Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay vô tình. + Một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huân Cao viết, mai một đây, ông Huân bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ thì ân hận suốt đời mất. + - Cần nhận xét, đánh giá như thế nào về thành công hay hạn chế của tác phẩm? → Đây là một tác phẩm hay, đạt gần tới sự toàn thiện, toàn mỹ. b. Lập dàn ý: Dàn ý tham khảo phân tích truyện “Chữ người tử tù” (Nguyễn Tuân) Mở bài: - Giới thiệu khái quát về Nguyễn Tuân: là một nhà văn vô cùng tài hoa, uyên bác. - Giới thiệu chung về tác phẩm “Chữ người tử tù”. Thân bài: *Tình huống truyện đặc biệt
---	--

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung.	- Huân Cao - một tử tù và viên quản ngục tình cờ gặp nhau và trở thành tri âm tri kỉ trong một hoàn cảnh đặc biệt: nhà lao nơi quản ngục làm việc. - Tình huống độc đáo này đã làm nổi bật vẻ đẹp hình tượng Huân Cao, làm sáng tỏ tấm lòng biệt nhỡn liên tài của quản ngục đồng thời thể hiện sâu sắc chủ đề tác phẩm: ca ngợi cái đẹp, cái thiện có thể chiến thắng cái xấu cái ác ngay ở nơi bóng tối bao trùm, nơi cái ác ngự trị. <i>* Vẻ đẹp các nhân vật</i> <i>** Nhân vật Huân Cao</i> - Huân Cao được lấy nguyên mẫu từ Cao Bá Quát - một con người lỗi lạc thời trung đại. - Huân Cao là người nghệ sĩ tài hoa: + Là người có “tài viết chữ rất nhanh, rất đẹp”. Hơn thế mỗi con chữ của Huân Cao còn chứa đựng khát vọng, hoài bão tung hoành cả đời người. + “Có được chữ ông Huân là có được báu vật ở đời”. ⇒ Ca ngợi nét tài hoa của Huân Cao, Nguyễn Tuân đã thể hiện tư tưởng nghệ thuật của mình: kính trọng những con người tài hoa tài tử, trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc - Là anh hùng có khí phách hiên ngang:
--	--

	+ Thể hiện rõ nét qua các hành động: đổ gông, thả nhiên nhận rượu thịt + Trong mọi hoàn cảnh khí phách hiên ngang ấy vẫn không thay đổi - Là người có thiên lương trong sáng, nhân cách cao cả: + Quan niệm cho chữ: trừ chỗ tri kỉ ngoài ra không vì vàng bạc châu báu mà cho chữ + Đối với quản ngục: Khi chưa hiểu tấm lòng quản ngục Huân Cao cho hắn là kẻ tiểu nhân tỏ ra khinh biệt <i>“Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn từ có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây nữa”</i>. Khi nhận ra tấm lòng quản ngục Huân Cao không những cho chữ mà còn coi quản ngục là tri âm tri kỉ. ⇒ Huân Cao là hình tượng của vẻ đẹp uy nghi giữa tài và tâm của người nghệ sĩ, của bậc anh hùng tuy thất thế nhưng vẫn hiên ngang. <i>** Nhân vật quản ngục</i> - Một tấm lòng biệt nhỡn liên tài. - Có sở thích cao quý: chơi chữ. <i>* Cảnh cho chữ - “Cảnh tượng xưa nay chưa từng có”</i> - Không gian: ngục tối ẩm ướt, bẩn thỉu.
--	--

	- Thời gian: đêm khuya. - Dấu hiệu: + Người cho chữ là tử tù, người xin chữ là quản ngục + Người cho chữ mất tự do cổ đeo gông chân vướng xiềng nhưng vẫn hiên ngang, chủ động trong khi quản ngục - người xin chữ khúm núm, bị động. + Tử tù lại là người khuyên quản ngục. - Sự hoán đổi ngôi vị: + Ý nghĩa lời khuyên của Huân Cao: cái đẹp có thể sản sinh ở nơi đất chết, nơi tội ác ngự trị nhưng không thể sống chung với cái xấu cái ác. Người ta chỉ xứng đáng được thưởng thức cái đẹp khi giữ được thiên lương. + Tác dụng: cảm hóa con người. ⇒ Điều lạ lùng ở đây không chỉ là thú chơi chữ tao nhã, thanh cao được thể hiện ở nơi tối tăm bẩn thiu, người trở tài là kẻ tử tù mà đặc biệt hơn là trong chốn lao tù tối tăm ấy cảnh cho chữ là sự thăng hoa của cái tài, cái đẹp, người tử tù sắp chết lại cảm hóa được viên quản ngục. Chính những điều này đã tạo nên hào quang rực rỡ, bất tử cho hình tượng Huân Cao.
	Kết bài:

	- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: + Nội dung: Khắc họa thành công nhân vật Huấn Cao, người nghệ sĩ tài hoa tài tử có thiên lương trong sáng, tiêu biểu cho kiểu người chỉ còn vang bóng trong thời kì trước cách mạng. Qua đó, ta thấy được quan niệm thẩm mỹ của nhà văn Nguyễn Tuân. + Đặc sắc nghệ thuật: xây dựng tình huống truyện độc đáo với màu sắc, không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập được đẩy lên đến đỉnh cao; sử dụng ngôn ngữ góc cạnh, giàu tính tạo hình.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	III. Luyện tập - Bài viết của HS - Viết bài theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần chú ý: + Mở bài cần thu hút được sự chú ý của người đọc. Nên được lí do bạn yêu thích tác phẩm truyện từ góc nhìn cá nhân. + Các luận điểm triển khai ở thân bài cần tập trung vào chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện.

- HS viết bài - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức	Trật tự các luận điểm có thể linh hoạt: phân tích, đánh giá chủ đề trước và phân tích, đánh giá những điểm đặc sắc về nghệ thuật sau hoặc ngược lại. Trong bài viết tham khảo trên, người viết đã phân tích, đánh giá các đặc sắc nghệ thuật trước, sau đó mới phân tích, đánh giá chủ đề. + Tránh lối phân tích, đánh giá chung chung. Mỗi luận điểm trong bài viết đều cần được làm sáng tỏ bằng các chi tiết, dẫn chứng cụ thể từ tác phẩm truyện. + Thể hiện được ý kiến đánh giá riêng của người viết về tác phẩm truyện. + Khi dẫn các ý kiến phân tích, đánh giá của người khác về tác phẩm, cần ghi rõ nguồn.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ <i>GV yêu cầu HS:</i> HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo PHIẾU ĐÁNH GIÁ gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	III. Luyện tập - Bài viết của HS. - Yêu cầu: + Đọc lại bài và chỉnh sửa theo hai cấp độ: ý lớn và chi tiết. Rà soát lại xem các ý trong dàn ý đã được triển khai thành các đoạn văn sáng rõ và mạch lạc chưa. Nếu chưa hợp nhiệt lí thì cần sắp xếp lại các ý.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý. - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức	+ Xem xét các luận điểm đã được làm sáng tỏ bằng những chi tiết cụ thể từ văn bản chưa. Nếu chưa thì cần bổ sung để bảo đảm tất cả các phân tích, đánh giá đều có căn cứ đi thuyết phục. + Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả và quy tắc ngữ pháp. Chú ý cách sử dụng từ Hán Việt. Nếu có từ nào còn băn khoăn vì chưa hiểu thật rõ nghĩa, hãy tra cứu lại hoặc thay thế bằng từ khác.
--	--

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

Nội dung	Yêu cầu cụ thể	Đạt	Chưa đạt
Bố cục ba phần	- Mở bài: Đã giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhân đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm chưa?. Chia sẻ với người đọc lí do bạn lựa chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá, điều khiến bạn yêu thích tác phẩm? - Thân bài: + Tóm tắt nội dung chính của truyện?		

	+ Có phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm? + Có phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. Mỗi phân tích, đánh giá đều cần có những chi tiết tiêu biểu được dẫn ra từ tác phẩm? - Kết bài: + Có tóm lược các nhận định trong phần thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm, đưa ra một số ý tưởng mở rộng, ... không?		
Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?		

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Chuẩn bị bài: **GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

(NÓI VÀ NGHE)

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA

MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được tên truyện, tên tác giả, khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- HS trình bày được các nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật được nội dung thuyết trình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực trình bày đánh giá của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK, SBT văn 10. Phiếu bài tập

- Máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, vở soạn, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS			SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV dùng kĩ thuật KWL để gợi mở vấn đề:			- Câu trả lời của HS:
K – Điều đã biết (Liệt kê các yêu cầu cần có của một bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện)	W – Điều muốn biết (Những điều em muốn biết về cách thuyết trình về bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện)	L – Điều học được (Điều em học được khi làm bài thuyết trình về bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện)	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, điền vào bảng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. - <i>Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về cách giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện</i>	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Định hướng

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Kiến thức chung <i>1. Yêu cầu</i>

- GV nêu rõ yêu cầu HS xác định yêu cầu bài thuyết trình và đối tượng nghe. - GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học; - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.	- Nêu được tên truyện, tên tác giả, khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Trình bày được các nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật được nội dung thuyết trình.
--	---

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói/ Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. THỰC HÀNH

- GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	1. Chuẩn bị nói a. Chuẩn bị nói * Lựa chọn đề tài - Sử dụng kết quả của bài viết trên cơ sở đã được chỉnh sửa, thu gọn hệ thống luận điểm, dẫn chứng thành 1 đề cương, chỉ giữ lại những luận điểm và dẫn chứng quan trọng: Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật truyện ngắn “<i>Chữ người tử tù</i>” (Nguyễn Tuân) * Tìm ý và sắp xếp ý - Bài nói cần có các ý sau: + Đặt tên cho bài nói: Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật truyện ngắn “<i>Chữ người tử tù</i>” (Nguyễn Tuân) + Trình bày lí do lựa chọn tác phẩm để phân tích, đánh giá. + Tóm tắt ngắn gọn nội dung câu chuyện. + Trình bày chủ đề của truyện. + Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật. + Nhận xét, đánh giá về thành công hay hạn chế của tác phẩm. * Xác định từ ngữ then chốt
---	--

	- Có thể sử dụng các cụm từ phù hợp với kiểu bài nói này như: Về tác phẩm này, tôi xin tập trung nói về vấn đề, ... Ấn tượng nổi bật nhất của tôi về tác phẩm là... Đó là lí do không thể không nói đến khi lí giải sức hấp dẫn của tác phẩm này... b. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu trước về bài nói. Bạn nên đọc lại các tri thức về thể loại truyện đã được học trong bài này. Ngoài ra, nếu người nói cho biết trước tác phẩm truyện sẽ được sử dụng làm đề tài nói, bạn có thể tìm đọc tác phẩm, phác thảo những suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm ấy.
--	---

2. Thực hành nói và nghe	
Người nói	Người nghe
- Mở đầu: Nêu đề tài của bài nói, trình bày lí do lựa chọn đề tài. - Triển khai: Trình bày các ý của bài nói (theo đề cương đã chuẩn bị). - Kết luận: Tóm tắt lại nội dung chính của bài nói, đưa ra một số ý tưởng mở rộng. Chú ý:	- Chú ý lắng nghe bài nói của bạn. - Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra các quan điểm của mình để đối thoại với người nói.

- Sử dụng các từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. <i>Ví dụ: đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, tóm lại, thứ nhất thứ hai...</i> - Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết, ... - Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí. Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, ... (nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.	- Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ. - Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình.
--	---

3. Trao đổi

- Người nghe đưa ra các nhận xét, góp ý, câu hỏi về bài nói. Người nói tiếp nhận các ý kiến này và trao đổi thêm (tán đồng, bác bỏ, trả lời câu hỏi, bàn luận mở rộng,...).
- Thực hiện tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày dựa trên các nội dung được nêu trong bảng sau:

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI TRÌNH BÀY DỰA TRÊN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC NÊU TRONG BẢNG SAU:			
STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Bài trình bày chọn được tác phẩm truyện phù hợp với những yêu cầu về thể loại, có khả năng gợi được hứng thú cho người nghe.		
2	Bài trình bày có đủ ba phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận.		

3	Thông tin về tác phẩm được trình bày sáng rõ, mạch lạc. Các ý cơ bản trong bài nói được làm nổi bật.		
4	Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ được phối hợp một cách hiệu quả.		
5	Có phong cách trình bày tự tin, gây được ấn tượng với người nghe.		
6	Sẵn sàng tiếp thu các ý kiến phản hồi, góp ý; đối thoại với người nghe trên tinh thần tôn trọng quan điểm riêng của nhau		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: HS thực hành thuyết trình, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn. - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận;	

+ HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chuẩn lại kiến thức.	
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng bài tập
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Đọc lại đoạn trích, học thuộc các dẫn chứng tiêu biểu
- Chuẩn bị bài mới.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2. VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA

MỤC TIÊU CHUNG

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình).
- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết được lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ, biết cách sửa những lỗi đó.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước những vẻ đẹp đa dạng của cuộc sống.

TIẾT 1. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình).

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực thuyết trình, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm...

- Năng lực chuyên biệt:

+ HS phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình).

3. Phẩm chất

- Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước những vẻ đẹp đa dạng của cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi HỘP QUÀ MAY MẮN, trả lời các câu hỏi liên quan đến các thể thơ đã học.
- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài mới: *Các văn bản thơ đều có chung các yếu tố như: nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ.... Để hiểu được nội dung của truyện*

kể chúng ta cần phân tích các yếu tố đó. Trong tiết học ngày hôm nay cô và các em cùng tìm hiểu các yếu tố đó qua bài học về Tri thức Ngữ văn.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* Hoạt động 1: Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức Ngữ văn về thơ: + Khái niệm thơ và thơ trữ tình? + Nhân vật trữ tình là gì? + Khái niệm hình ảnh thơ? + Nêu những hiểu biết của em về văn thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	I. TRI THỨC NGỮ VĂN - Thơ và thơ trữ tình: + Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới. + Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. - Nhân vật trữ tình + Nhân vật trữ tình (còn gọi là chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả. - Hình ảnh thơ: + Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Văn thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ: + Văn thơ: sự cộng hưởng, hoà âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Văn có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ. + Nhịp điệu: những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mĩ về thế giới. + Nhạc điệu: cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng – trắc,... + Đối: cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (tương phản). + Thi luật: toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt hoà thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ,... + Thể thơ: sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1	- Bài viết của HS.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Bài tập: Chọn phân tích một yếu tố của thơ trữ tình trong một bài thơ mà em yêu thích? - Gợi ý: Phân tích nhịp thơ trong các câu thơ sau: “Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng.” (Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	<i>Nhịp thơ chỉ tác động vào tình cảm người tiếp cận để hóa thành giai điệu biểu đạt tình ý. Có lúc nhịp thơ góp phần vào bố cục câu thơ, dòng thơ, khổ thơ làm tăng khả năng diễn đạt tứ thơ. Đối với thơ tự do, nhịp thơ dần trải theo cảm xúc của chủ thể sáng tạo nên rất đa dạng. Ví dụ trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật thể hiện:</i> “Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng.” (Phạm Tiến Duật) <i>Câu thơ thứ nhất nhịp thơ liền một mạch như lời giải thích trong âm điệu bình thản pha chút ngang tàng của chủ thể trữ tình. Sang câu thứ hai, cách ngắt nhịp theo nhịp 2/2/4 nhịp nhàng. Câu thứ ba, nhịp 2/4 trong tư thế thanh thản. Cuối cùng, câu thứ tư nhịp thơ lại là 2/2/2 mạnh mẽ khẳng khái. Sự kết hợp hài hòa ấy tạo nên nét đặc sắc cho bài thơ.</i>
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: HS tìm đọc thơ Hai-cư Nhật Bản, thơ Đường và Thơ mới Việt Nam. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Soạn bài “CHÙM THƠ HAI-CU”

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

BÀI 2. VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA
VĂN BẢN 1,2,3. CHÙM THƠ HAI – CƯ

Tiết:.....

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận diện được hình thức, đặc trưng của thơ hai-cư
- Nhận diện và phân tích được các giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ hai-cư: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.
- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo thể hiện qua các văn bản.
- Nhận biết được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi những rung động thẩm mỹ, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ hai-cư.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

- + Năng lực đọc hiểu văn bản văn học trung đại.
- + Năng lực tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm thơ trữ tình trung đại.

3. Phẩm chất

- Tự giác đọc thêm về thơ hai-cư, tập làm thơ Hai – cư.
- Trân trọng một nét đẹp trong văn hóa Nhật Bản

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức văn học, đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ và trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: Cho HS xem một số hình ảnh, video về đất nước và con người Nhật Bản.

+ *Các em hãy quan sát và cho biết những ấn tượng của mình về đất nước và con người xuất hiện trong các bức ảnh dưới đây.*

- HS chia sẻ cảm xúc.

- GV dẫn dắt vào bài mới: *Nếu dân tộc ta tự hào với thể thơ lục bát, người Trung Quốc tự hào vì có thơ Đường,... thì người Nhật Bản lại tự hào vì có thơ Hai-cư, một thể thơ có số lượng âm tiết ngắn nhất thế giới. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu một số bài thơ tiêu biểu của thể thơ Hai-cư.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a) Mục đích: Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất về thể loại và các tác giả tiêu biểu.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thảo luận theo bàn, tìm hiểu về thể thơ Hai-cư và một số tác giả tiêu biểu. + Dựa vào phần giới thiệu, hãy nêu những đặc điểm nổi bật của thơ hai-cư? + Nêu những hiểu biết của em về các nhà thơ hai-cư tiêu biểu? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Giảng: • Nội dung - Phản ánh tâm hồn người Nhật ưa thích hoà nhập với thiên nhiên - Hướng đến phong cảnh, vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư..... của người viết. + Tứ thơ: là cảm xúc thơ hoặc ý nghĩa hình ảnh thơ khơi gợi cảm xúc, suy tư trong khoảnh khắc hiện tại + Quý ngữ (kigo): miêu tả một mùa nào đó trong năm (trực tiếp hoặc gián tiếp qua các hình ảnh đặc trưng – loài hoa, động vật, cây cỏ...) • Nghệ thuật - Thủ pháp tượng trưng + hàm súc, nghệ thuật khơi gợi + thấm đẫm tinh thần Thiên tông (Phật giáo) và tinh thần văn hoá phương Đông	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Thơ Hai-cư - Thể thơ truyền thống có vị trí quan trọng trong văn học Nhật Bản, có hình thức cô đọng nhất của thơ ca thế giới. - Thường biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng. - Bài thơ được cấu tứ quanh một phát hiện mang tính chất “bừng ngộ” về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người. Thơ Hai-cư thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải. - Nguyên bản tiếng Nhật chỉ có 1 câu thơ: Hình thức thành 3 dòng Dòng 1: Giới thiệu Dòng 2: Tiếp tục ý Dòng 3: Kết lại → Ba dòng thơ kết thúc mở ra những suy ngẫm, cảm xúc cho người đọc ngân nga, lan toả. 2. Tác giả tiêu biểu - Mát-chư-ô Ba-sô (Matsuo Basho, 1644 – 1694) là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai-cư, đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản. - Chi-ô (1703 – 1775) là người đánh dấu sự hiện diện của các tác giả nữ trong truyền thống thơ hai-cư. Trước bà, thơ hai-cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích.

- Ngôn ngữ: đa nghĩa, thiên về gợi - Cảm hứng thẩm mĩ: đề cao cái vắng lặng, đơn sơ, u huyền, mềm mại, nhẹ nhàng - Thi pháp chân không: sử dụng những mảng trắng, khoảng trống trong bài thơ như một phương tiện làm nổi bật ý nghĩa bài thơ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Cô-ba-y-a-si Ít-sa (Kobayashi Issa, 1763 – 1828) là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ hai-cư do chính ông sáng tác.
---	---

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm tìm hiểu về ba bài thơ:	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Nhận diện đặc điểm nổi bật của thơ Hai-cư * Hình ảnh trung tâm - Bài 1: Con quạ - Bài 2: Dây gầu và hoa triêu nhan - Bài 3: Con ốc * Đặc điểm sử dụng hình ảnh

Nhóm 1 – Nhận diện đặc điểm nổi bật của thơ Hai-cư + Xác định hình ảnh trung tâm của ba bài thơ? + Từ hình ảnh trung tâm của các bài thơ, em hãy nhận xét về đặc điểm chung của các hình ảnh ấy? Từ đó nhận xét về nghệ thuật đặc sắc của thơ Hai-cư?	- Mỗi bài thường tập trung vào một hình ảnh - Các hình ảnh đều rất đời thường, quen thuộc, gần gũi với con người. - Các hình ảnh được gọi tên nhưng không được miêu tả về màu sắc, thuộc tính, hình dạng, đường nét. * Nhận xét: - Tính cô đọng - Tính tối giản => Thơ Hai-cư giản dị nhưng khả năng gợi mở rất lớn. 2. Bài 1 (Ba-sô) <i>Trên cành khô</i> <i>cánh quạ đậu</i> <i>chiều thu</i>
Nhóm 2 - Tìm hiểu Bài 1 + Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô với các yếu tố thời gian và không gian? + Khoảnh khắc được thể hiện trong bài thơ của Ba-sô có thể khơi gợi những cảm xúc gì ở người đọc?	- Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô là con quạ. Bài thơ thu tóm một khoảng lặng của thế giới: một cánh quạ lặng lẽ trên một cành cây trụi lá trong khi chiều thu dần dần buông. Chỉ bằng vài ba nét chấm phá, bài thơ gợi ra một khung cảnh đơn sơ, tĩnh lặng, mọi thứ như đang trầm lắng lại. - Ba-sô không diễn giải gì, dường như ông còn không áp đặt lên cảnh vật cảm xúc hay suy nghĩ của ông: ông chỉ làm hiện lên sự tương phản giữa “thân hình đen muội nhỏ bé của con quạ” với “bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm” (H.G. Henderson, <i>Hài cú nhập môn</i>). - Trạng thái của con quạ cũng là trạng thái tự tại, không đuối bắt cái gì cả, không vọng động bởi bất cứ cái gì bên ngoài. Bằng sự im lặng ấy, con quạ như đang chiêm ngắm sự u huyền (<i>yugen</i>) của vũ trụ. => Bài thơ hai-cư của Ba-sô gợi sự tĩnh thức về ý nghĩa của những khoảng lặng trong đời sống. Những khoảng lặng là cần thiết để ta nhận ra chiều sâu, sự bí ẩn của thế giới ta đang sống.
Nhóm 3 - Tìm hiểu Bài 2 + Hình ảnh trung tâm của bài thơ là gì? + Bài thơ của Chi-ô được triển khai xoay quanh phát hiện nào? Theo em, vì sao phát hiện này lại dẫn dắt nhân vật trữ tình sang “xin nước nhà bên”? + Từ bài thơ của Chi-ô, hãy bình luận về ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên mà bài thơ gợi ra.	3. Bài 2 (Chi-ô) <i>Ôi hoa triều nhan</i> <i>Dây gàu vương hoa bên giếng</i> <i>đành xin nước nhà bên.</i> - Hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Chi-ô (Chiyo) là dây hoa triều nhan vương vào sợi dây gàu. Nếu hoa triều nhan trong tư duy thẩm mỹ của người Nhật Bản là biểu tượng cho cái đẹp của thiên nhiên, ban sơ, thuần khiết, mong manh thì sợi dây gàu lại chỉ là một sự vật đời thường, xù xì, thô ráp, vốn chỉ mang chức năng thực dụng: (để người ta) múc nước.

Nhóm 4 - Tìm hiểu Bài 3 + Hình ảnh trung tâm của bài thơ là gì? + Từ những đặc điểm thường được liên hệ khi hình dung về “con ốc” và “núi Phu-gi”, hãy nhận xét về tương quan giữa hai hình ảnh này. + Em cảm nhận như thế nào về hành trình “chậm rì” của con ốc trong bài thơ của Ít-sa?	- Nhưng trong khoảnh khắc của buổi ban mai, con người nhận ra hoa với sợi dây gàu quấn quýt với nhau trong tương quan bạn bè. Sự quấn quýt này khiến dây gàu trở thành điểm tựa cho hoa và sự góp mặt của hoa đã làm mờ đi sự xù xì, thô ráp của sợi dây. Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới không chia cắt với nhau như cách chúng ta vẫn hằng nghĩ. - Con người khi phát hiện tương quan đẹp để đó giữa các sự vật thì cũng có cách ứng xử rất nhân văn: để hoa tiếp tục vương vít bên sợi dây gàu, mình sang xin nước nhà bên. Đó cũng là cách để người với người kết nối, làm bạn với nhau. Bài thơ gợi ra một cách ứng xử đầy nâng niu, trân trọng đối với tạo vật trong đời sống. 4. Bài 3 (Ít-sa) <i>Chậm rì, chậm rì</i> <i>kìa con ốc nhỏ</i> <i>trèo núi Phu-gi (Fuji).</i> - Bài thơ của Ít-sa (Issa) xoay quanh hình tượng của một con ốc nhỏ bé. Có thể nhìn thấy nhiều sự tương phản trong bài thơ rất đối đơn sơ này: con ốc thì nhỏ, ngọn núi thì lớn; con ốc thì chậm rì, hành trình nó theo đuổi thì dài; con ốc thì chỉ là một sinh vật nhỏ bé, bình thường, ngọn núi lại là một biểu tượng kì vĩ. - Nhưng cái chậm rì của con ốc trong bài thơ của Ít-sa chính là sự phản ánh cảm thức thanh thoát (<i>karumi</i>): con ốc ung dung, tự tại trong hành trình của mình. Hành trình nó theo đuổi có thể không đạt đến được nhưng bản thân việc theo đuổi hành trình ấy làm nó có sự tự do trong tinh thần. Cái tự do tinh thần ấy cũng là thứ quý giá nhất mà đời người cần phải hướng tới.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1	III. Tổng kết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	1. Nội dung - Mượn hình ảnh của tự nhiên, vạn vật và bằng cách gọi ta đọc đáo, lời ít ý nhiều, tác giả đã gửi gắm tình yêu thiên nhiên, lẽ sống của con người với chính bản thân mình và cuộc đời. 2. Nghệ thuật - Chùm thơ Hai-cư Nhật Bản đem đến cho bạn đọc những ấn tượng về hình thức ngắn gọn, giản dị nhưng chan chứa những ý nghĩa nhân văn sâu sắc.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

b) **Nội dung:** HS ôn tập, sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1	- Bài làm của HS.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Bài tham khảo

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ Hai-cư? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	<i>Thơ Hai-cư là một thể thơ truyền thống có vị trí quan trọng trong văn học Nhật Bản, được xem là một trong những hình thức cô đọng nhất của thơ ca thế giới. Một trong những điểm thú vị của thơ Hai-cư chính là ở sự cô đọng, ý tại ngôn ngoại. Tác giả đã hạn chế tối đa về mặt chữ, mỗi bài thơ chỉ gồm ba câu, mỗi câu từ hai đến năm tiếng. Tuy ngôn ngữ ít ỏi là vậy nhưng bài thơ lại chứa đựng những lớp nghĩa sâu xa, thể hiện những tư tưởng nhân văn sâu sắc về con người và cuộc đời. Để khám phá những khoảng trống trong bài thơ, bạn đọc cần liên kết những hình ảnh vốn dĩ tách rời, tìm ra mối liên hệ giữa chúng và lý giải nó. Chính vì sự cô đọng nên mỗi từ ngữ trong thơ hai-cư đều mang theo những ý nghĩa thâm mỹ độc đáo. Sức sống và sự hấp dẫn của thơ hai-cư nằm ở khả năng kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc, suy tưởng.</i>
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:** Làm bài tập vận dụng

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Bài sưu tầm của HS. - Gợi ý một số bài thơ Hai-cư của Ba-sô: <i>Đất khách mười mùa sương</i> <i>về thăm quê ngoảnh lại</i>

- GV yêu cầu HS: Sưu tầm 5 bài thơ Hai-cư mà em thích nhất. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	<i>Ê-đô là cố hương.</i> <i>Chim đỗ quyên hót</i> <i>ở Kinh đô</i> <i>mà nhớ Kinh đô.</i> <i>Lệ trào nóng hổi</i> <i>tan trên tay tóc mẹ</i> <i>làn sương thu.</i> <i>Tiếng vượn hú náo nê</i> <i>hay tiếng trẻ bị bỏ rơi than khóc?</i> <i>gió mùa thu tái tê.</i> <i>Mưa đông giăng đầy trời</i> <i>chú khỉ con thâm uớc</i> <i>có một chiếc áo tôi.</i>
---	---

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Đọc lại đoạn trích, học thuộc các dẫn chứng tiêu biểu.
- Chuẩn bị bài: Thu hứng – Đỗ Phủ

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2. VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA
VĂN BẢN 2. CẢM XÚC MÙA THU
(Thu hứng)

- Đỗ Phủ -

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình trong thơ cổ.
- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ Hai-cư Nhật Bản hoặc thơ trung đại Việt Nam (đã học).

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

- + Năng lực đọc hiểu văn bản văn học trung đại.
- + Năng lực tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm thơ trữ tình trung đại.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức văn học, đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ và trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “CON SỐ MAY MẮN”:
- + *Câu 1: Nhà thơ nào của Trung Quốc được suy tôn là “Thi Thánh”?* (Đỗ Phủ)
- + *Câu 2: Em hãy cho biết năm sinh, năm mất của nhà thơ Đỗ Phủ?* (712 – 770)
- + *Câu 3: Đỗ Phủ tự là gì?* (Tư Mĩ)
- + *Câu 4: Đọc thuộc một bài thơ được làm theo thể THẤT NGÔN BÁT CÚ?*

Dẫn dắt vào bài: Mùa thu là một thi đề quen thuộc của thơ ca. Trong gia tài thơ đồ sộ của Đỗ Phủ, nó cũng là một đề tài chiếm địa vị trang trọng. Khi lánh nạn ở Quý Châu, năm 766, ông đã sáng tác chùm thơ *Thu hứng* gồm 8 bài. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu bài thứ nhất - được coi là cương lĩnh sáng tác chùm thơ.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a) Mục đích: Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất về thể loại, tác giả và tác phẩm.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: + Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về thơ Đường luật ? (trả lời câu hỏi theo định hướng của phiếu bài tập) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Thơ Đường luật - Thơ Đường luật còn gọi là thơ cận thể. Đó là thể thơ ngũ ngôn hay thất ngôn làm theo những nguyên tắc thi luật được đặt ra từ thời Đường. - Thơ Đường luật có ba dạng chính: thơ bát cú (8 câu), thơ tuyệt cú (4 câu) và thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường luật), trong đó thơ bát cú (đặc biệt là thất ngôn bát cú) được xem là dạng cơ bản nhất. - Bố cục, một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật gồm bốn cặp câu thơ (liên thơ), tương ứng với bốn phần: đề – thực – luận – kết. - Bài thơ chỉ gieo một vần (thường là vần bằng) ở các câu 1 - (chữ cuối của câu thứ nhất có thể gieo vần hoặc không). - Về luật bằng trắc, thơ Đường luật có quy định 1-2-4-6-8 về sự hoà thanh trong từng câu và trong cả bài để đảm bảo sự cân bằng, hài hoà cho âm hưởng của toàn bộ bài thơ. - Về đối, thơ Đường luật bát cú yêu cầu đối ở câu thực và luận. - Thơ Đường luật có một mô hình thi luật chặt chẽ, hướng tới sự cân đối, hài hoà về cấu trúc của toàn bộ bài thơ. Mô hình thi luật này phản ánh cảm quan về vũ trụ của người Trung Quốc thời trung đại, theo đó, vũ trụ là một thể thống nhất và giữa các bộ

Đỗ Phủ được gọi là Thi Thánh - vị Thánh trong làng thơ. Gọi là Thánh không chỉ vì tâm hồn cao đẹp mà còn vì nghệ thuật thơ ca bậc thầy của ông. xuất thân trong một gia đình Nho học, làm quan suốt mấy đời, nhưng đến đời ông thì sa sút nghiêm trọng. Ông lại sống trọn vẹn trong hoàn cảnh loạn ly (loạn An Sử), ngược xuôi chạy loạn, gia đình ly tán, con chết đói... Và rồi ông cũng chết thảm thương vì đói và bệnh tật trong một chiếc thuyền rách nát trên sông Tương nơi đất khách quê người. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: + <i>Nêu những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của Đỗ Phủ?</i>	phận của vũ trụ có sự liên thông, tương ứng với nhau. - Về mặt ngôn từ, nét đặc sắc của thơ Đường luật thể hiện ở chỗ: có thể chỉ bằng một vốn từ ngữ hữu hạn, thậm chí quen thuộc, các nhà thơ vẫn tạo nên được những cách biểu đạt hết sức tinh tế, gọi ra nhiều liên tưởng và ý nghĩa. - Về cấu tứ, thơ Đường luật có đặc trưng nổi bật là xây dựng tứ thơ theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp, nhờ đó, mở ra không gian cho người đọc cảm nhận bài thơ. 2. Tác giả a. Cuộc đời: - Đỗ Phủ (712- 770), tự là Tử Mĩ, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời ở huyện Củng - tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). - Con người và cuộc đời: + 7 tuổi làm thơ: tài năng thiên bẩm. + Con đường công danh lận đận, không được trọng dụng. + Sống nghèo khổ, chết trong bệnh tật. → Âm điệu thơ có phần bi thương. b. Sự nghiệp thơ ca: - Ba chủ đề lớn trong thơ Đỗ Phủ: + Nhiệt huyết yêu nước + Phản kháng cường quyền + Cảm thông với số phận dân đen - Số lượng: Ông sáng tác ở nhiều thể thơ, cả cổ thể và cận thể. Thơ ông hiện còn khoảng
--	--

+ Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào, vị trí, ý nghĩa nhan đề? + Chia bố cục bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV bổ sung: <i>Loạn An Lộc Sơn - Sử Tư Minh (755- 763) khiến Đỗ Phủ và gia đình phải phiêu bạt 7 năm (759- 766), đói nghèo, chết trong bệnh tật trên một con thuyền rách nát...</i>	1000 bài. Thơ của Đỗ Phủ thấm máu và nước mắt của nhân dân trong thời buổi loạn ly → Được mệnh danh là “<i>thi thánh</i>” (thánh thơ). 3. Bài thơ Thu hứng a. Hoàn cảnh sáng tác: năm 766, Đỗ Phủ đang lánh nạn ở Quý Châu (thuộc đất Ba Thục, núi non hiểm trở). b. Vị trí: + Là bài thơ số 1 thuộc chùm thơ Thu hứng (8 bài). + Là cương lĩnh sáng tác của cả chùm thơ. c. Nhan đề - Thu hứng: cảm hứng, cảm xúc trước khung cảnh mùa thu. d. Bố cục: - 2 phần. + 4 câu đầu: cảnh thu. + 4 câu sau: tình thu.
---	---

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1	II. Đọc – hiểu văn bản:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu bốn câu đầu bài thơ theo định hướng trả lời các câu hỏi:
- Trong câu 1-2, những cảnh vật nào được miêu tả? Sắc thái của chúng? So sánh bản nguyên tác và dịch thơ để thấy rõ sắc thái của cảnh trong cảm nhận của Đỗ Phủ? Đó là cảnh thu ở đâu? Điểm khác biệt của nó so với cảnh thu trong thơ Việt Nam (thơ Nguyễn Khuyến...)?
- Ở câu 1, tầm nhìn của tác giả là diện hay điểm (bao quát hay cụ thể)?
- Tầm nhìn của tác giả có giữ nguyên ở câu 2 ko? Vì sao?
- Hai câu đầu gọi cảnh thu với vẻ gì đặc biệt? ở đâu?
- GV bổ sung: Lễ thường, mùa thu mang vẻ thanh thoát, sáng trong. Nhưng trong thơ Đỗ Phủ, bằng cái nhìn tâm trạng, nó đã hiện lên hoàn toàn khác...
- Các hình ảnh thiên nhiên được miêu tả ở câu 3- 4? So sánh nguyên tác và dịch thơ? Nhận xét về sắc thái của cảnh thiên nhiên ở đây? (Thiên nhiên vận động ntn? Nó có tĩnh tại như ở câu 1 - 2?)
- Khái quát lại về riêng của thiên nhiên ở 4 câu đầu? Trong cảnh đó có ngụ tình của tác giả ko? Đó là cảm xúc, tâm trạng gì? Tương quan cảnh và tình?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 1**1. Bốn câu đầu: cảnh thu***** Câu 1 - 2:**

- Hình ảnh: *sương móc trắng xóa; rừng phong tiêu điều.*
- Địa danh: *núi Vu, kẽm Vu*- vùng núi hoang sơ, hùng vĩ, hiểm trở.
- So sánh nguyên tác và dịch thơ:

+ Câu 1:

Nguyên tác: *trắng xóa* - dày đặc, nặng nề.

Dịch thơ: *lác đác* - mật độ thưa thớt, ít ỏi.

→ Dịch thơ làm mất sắc thái tiêu điều của rừng phong.

→ Câu 1 (nguyên tác): Sự tác động, tàn phá của sương móc làm rừng phong tiêu điều. Đó là sự khác thường. Bởi mùa thu phương Bắc (Trung Quốc) thường được miêu tả với hình ảnh ước lệ là hình ảnh rừng phong lá đỏ. Nhưng ở đây, tuy rừng phong được nói tới nhưng sắc màu rực rỡ của nó ko còn mà mang vẻ thô lương, ảm đạm, nặng nề.

- Cái nhìn bao quát trên diện rộng.

+ Câu 2:

- So với nguyên tác, bản dịch làm mất các địa danh cụ thể, gọi nhiều cảm xúc. Thông thường, vùng núi Vu, kẽm Vu hiểm trở sẽ gợi cảm giác hứng khởi trước vẻ đẹp hoành tráng, kì vĩ, bí ẩn. Nhưng ở đây, chúng chỉ đem đến ấn tượng về sự vắng lặng đến rợn người.

- Tầm nhìn của tác giả thu hẹp, hướng lên cao.

→ Hai câu đầu: Cảnh thu thô lương, ảm đạm, lạnh lẽo, nặng nề, trầm uất ở vùng núi Quý Châu, miền núi phía tây Trung Quốc, thượng nguồn sông Trường Giang, nơi thi nhân lánh nạn.

*** Câu 3 - 4:**

- Hình ảnh thiên nhiên: *sóng trên sông Trường Giang; mây trên cửa ải.*

- So sánh nguyên tác - dịch thơ:

+ Động từ “*rợn*” □ vận động nhẹ nhàng, ko diễn tả được sự vận động mạnh mẽ của sóng như trong nguyên tác (*sóng vọt lên tận lưng trời*).

+ Động từ “*đùn*” □ lớp này chồng chất lên lớp khác, chỉ sự vận động đi lên □ ko truyền tải ý “*mây sa sầm xuống giáp mặt đất*”.

- Sắc thái của thiên nhiên:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu bốn câu đầu bài thơ theo định hướng trả lời các câu hỏi:

- *Nhận xét về sự thay đổi của tâm nhìn từ 4 câu đầu đến 4 câu sau? Tại sao có sự thay đổi ấy?*

- *Tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở hai câu 5- 6?*

- *Các hình ảnh ẩn dụ tượng trưng trong hai câu đó là gì? ý nghĩa của chúng?*

- *So sánh nguyên tác và dịch thơ?*

- *Tâm trạng của tác giả được bộc lộ ntn ở 2 câu trên?*

- *Có gì đặc biệt trong cách kết thúc bài thơ?*

- *Gợi mở: Theo mạch vận động cảm xúc tiếp câu 5-6, hai câu kết phải hướng nội, bộc lộ nội tâm. Nhưng ở hai câu kết bài thơ, tác giả có thể hiện sự vận động đó ko? Vì sao?*

- *Đó có phải là hai câu tả cảnh đơn thuần ko? Tại sao?*

- *Nhận xét về mối quan hệ giữa tình thu và cảnh thu ở 4 câu sau?*

- *Nhận xét về vẻ riêng của bức tranh thu? Tâm trạng tác giả qua bài thơ này là gì?*

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

+ Thiên nhiên vận động mạnh mẽ, trái chiều như nén ko gian lại, khiến trời đất như đảo lộn.

+ Thiên nhiên trầm uất, dữ dội.

Nhận xét:

+ Cảnh thu được nhìn từ xa, cảnh rộng, bao quát.

+ Đó là cảnh thu ở vùng núi Quý Châu (Trung Quốc) thê lương, ảm đạm mà đầy những dồn nén dữ dội.

+ Sự vận động dữ dội, trái chiều của thiên nhiên, trời đất như đảo lộn nơi cửa ải□ nỗi buồn sâu, trầm uất và nỗi lo âu cho tình hình đất nước với biên giới chưa thật sự bình yên sau những năm chiến tranh, loạn lạc liên miên (loạn An - Sử) → chất “thi sử”.

+ Cảnh vẫn đậm hơn tình, tình nằm ẩn sâu trong cảnh.

b. Bốn câu sau: Tình thu

- Tâm nhìn của tác giả: từ xa lại gần □ thu hẹp dần (từ khung cảnh chung của thiên nhiên đến các sự vật cụ thể gắn bó với riêng tác giả, ở gần tác giả).

→ Do sự vận động của thời gian về chiều muộn, ngày tàn, sự nhạt dần của ánh sáng khiến tâm nhìn bị thu hẹp.

*** Câu 5 - 6:**

- Đối chỉnh.

- Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng:

+ *Hoa cúc*: Là hình ảnh ước lệ chỉ mùa thu. □ *Khóm cúc nở hoa đã hai lần* – hai năm đã qua, hai năm nhà thơ lưu lạc ở đất Quý Châu.

→ Hai lần cúc nở hoa làm tuôn rơi nước mắt: “*Nước mắt ngày trước*” - “*dòng lệ cũ*” □ giọt nước mắt hôm nay (hiện tại) và giọt ướt hôm qua (quá khứ) ko thể phân chia, đều cùng một dòng chảy, đắng đót, mặn chát như nhau.

→ Hình ảnh khóm cúc là biểu tượng cho nỗi buồn đau dằng dặc, thường trực của tác giả. Đó là sự chất chồng của nỗi xót xa cho thân phận tha hương trôi nổi và nỗi nhớ quê hương da diết.

+ *Con thuyền*:

- Bản dịch làm mất sắc thái cô đơn, lẻ loi của con thuyền → sự cô đơn, lẻ loi của con người.

- Là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho cuộc đời nổi trôi, lưu lạc của tác giả.

	- <i>Con thuyền buộc chặt mối tình nhà</i> - mối buộc của con thuyền lại gắn kết với nỗi nhớ nơi vườn cũ (quê hương) → tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương. - Tác giả đã đồng nhất cảnh và tình ở hai câu trên. => Có thể nói là đây hai câu thơ hay nhất trong bài thơ vì đã sử dụng nghệ thuật ước lệ và ẩn dụ để thể hiện từ không gian sự vật đến không gian nội tâm rồi đến vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Đỗ Phủ. Nghệ thuật đồng nhất ngoại cảnh và tâm cảnh. * Câu 7 - 8: - Kết thúc đột ngột bằng những âm thanh dồn dập bởi trước đó bài thơ không miêu tả một âm thanh nào. - Tiếng thước đo vải, dao cắt vải, tiếng chày đập vải để may áo rét → Là những âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa. Người ở quê nhà thường may áo rét gửi cho người chinh phu đang trấn thủ biên cương khi mùa thu lạnh lẽo đến- bước chuyển để mùa đông buốt giá ủa về. - Hai câu thơ hướng ngoại, tả cảnh sinh hoạt của nhân dân vùng Quý Châu. Nhưng đặt trong liên hệ với câu 3- 4 (hiện thực lịch sử: tình hình đất nước chưa yên ổn, bao người phải trấn giữ biên ải xa xôi), hai câu thơ này ko phải tả cảnh đơn thuần. → Nỗi lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn. → Âm thanh tiếng chày đập vải, tiếng dao thước để may áo rét gửi kẻ tha hương làm chạnh lòng tác giả (cũng là một kẻ tha hương, lưu lạc, nghèo khổ), khơi lên nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận của ông. → Nỗi buồn nhớ quê hương của tác giả. Nhận xét: Cảnh thu ở bốn câu sau thấm đượm tình thu, thậm chí còn đồng nhất với tình thu (câu 5-6), khắc sâu ấn tượng về sự cô đơn, lẻ loi, u uất của kẻ tha hương nặng lòng với quê hương và lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn.
--	---

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

a) Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bức tranh thu hui hắt, thê lương, ảm đạm mà đầy dồn nén dữ dội, thấm đẫm tâm sự của tác giả. - Tâm trạng tác giả: + Lo âu cho đất nước. + Buồn nhớ quê hương. + Ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình. 2. Nghệ thuật - Tả cảnh ngụ tình. - Ngôn ngữ hàm súc. - Nghệ thuật đối chỉnh, tạo các mối quan hệ đặc sắc: xa- gần, cảnh - tình, không gian - thời gian, tĩnh - động.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

b) **Nội dung:** HS ôn tập, sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1. Ai là tác giả của bài thơ “Cảm xúc mùa thu”?

- A. Lý Bạch
- B. Đỗ Phủ
- C. Thôi Hiệu
- D. Vương Duy

2. Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt.
- B. Thất ngôn bát cú.
- C. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
- D. Thất ngôn trường thiên.

3. Tên riêng nào không xuất hiện trong bài thơ?

- A. Vu sơn
- B. Vu giáp
- C. Tứ Xuyên
- D. Thành Bạch Đế

4. Cảm hứng của bài thơ là gì?

- A. Nỗi nhớ quê hương
- B. Tình yêu đất nước và nhân dân
- C. Cả A,B đều đúng
- D. Cả A,B đều sai

5. Bốn câu đầu và bốn câu sau có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.
- B. Bốn câu đầu tả cảnh, bốn câu sau tả người.
- C. Bốn câu đầu tả trên cao, bốn câu sau tả dưới thấp.
- D. Bốn câu đầu tả xa, bốn câu sau tả gần.

6. Cảnh sắc ở hai câu đầu là khung cảnh:

- A. Bi thương, tàn tạ.
- B. Hoành tráng, dữ dội.
- C. Cả A và B đúng.
- D. Cả A và B sai.

7. Cảnh sắc ở hai câu thứ ba và thứ tư là khung cảnh:

- A. Bi thương, tàn tạ.
- B. Hoành tráng, dữ dội.
- C. Cả A và B đúng.
- D. Cả A và B sai.

8. Hình ảnh rừng phong tiêu điều vì sương móc có ý nghĩa gì?

- A. thực cảnh thu u buồn của vùng Vu sơn, Vu giáp.
- B. Ngầm ẩn tả cảnh đời bị vùi dập đau thương.
- C. Hai ý A và B đúng.

D. Hai ý A và B sai.

9. Hình ảnh thiên nhiên nào không có trong bài thơ?

A. Sương

B. Bão

C. Sóng

D. Mây

10. Câu thơ nào cho biết nhà thơ xa quê đã hai năm?

A. Giang gian ba lãg kiem thiên dũng

B. Tủi thượng phong vân tiếp địa âm

C. Tùng các lưỡng khai tha nhật lệ

D. Cô chu nhất hệ cố viên tâm

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
B	B	C	C	A
6	7	8	9	10
A	B	C	B	C

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:** Làm bài tập vận dụng

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Những yếu tố làm nên đặc trưng và hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ Hai-cư có nhiều điểm gần gũi. Hãy viết một đoạn	- Bài làm của HS. Thơ Hai-cư là thể thơ ngắn nhất thế giới và cũng là thể thơ truyền thống có vị trí quan trọng trong văn chương Nhật Bản. Thơ Đường luật là thể thơ xuất phát từ Trung Quốc, thường có hai thể tiêu biểu là thơ thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú. Thơ hai-cư và thơ Đường luật đều là những thể thơ ngắn gọn và thường viết về những cảm xúc của con người trước hình ảnh thiên nhiên. Thơ

văn ngắn (<i>khoảng 150 chữ</i>) về những điểm tương đồng ấy. - Gọi ý: + Ngắn gọn + Cảm xúc của con người trước hình ảnh thiên nhiên - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	hai-cư với những dòng thơ ngắn gọn chỉ từ ba đến bảy chữ tả cảnh thiên nhiên trong sáng, nhẹ nhàng và từ cảnh thiên nhiên gợi lên những rung động, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Còn thơ Đường luật cũng là thể thơ ngắn gọn với mỗi câu chỉ bảy chữ như bài thơ Thu hứng (Cảm xúc mùa thu) của Đỗ Phủ tả cảnh mà chan chứa nỗi niềm tâm sự. Từ cảnh thiên nhiên núi non, bầu trời mùa thu cùng với cảnh sinh hoạt làng quê chuẩn bị đón đông đến, người đọc cũng cảm nhận được nỗi niềm tâm sự, nỗi mong nhớ được về thăm quê của tác giả. Hai thể thơ tuy đến từ hai đất nước khác nhau những điểm tương đồng của chúng đều là tả cảnh thiên nhiên để gợi nên nỗi niềm.
--	---

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Đọc lại đoạn trích, học thuộc các dẫn chứng tiêu biểu.
- Chuẩn bị bài mới: MÙA XUÂN CHÍNH – HÀN MẶC TỬ

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2. VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA

VĂN BẢN. MÙA XUÂN CHÍNH

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình).
- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc hai nền văn hoá khác nhau.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

- + Năng lực đọc hiểu văn bản Thơ mới
- + Năng lực tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm Thơ mới

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu quê hương, yêu nước, yêu thiên nhiên, con người.
- Trân trọng những sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức văn học, đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ và trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: Tổ chức cho HS nghe bài hát “MÙA XUÂN NHỎ NHỎ” được chuyển thể từ bài thơ “MÙA XUÂN NHỎ NHỎ” của nhà thơ Thanh Hải.

- Em hãy lắng nghe lời bài hát và phát biểu cảm nghĩ của bản thân về mùa xuân trong âm nhạc và thơ ca?

***Dẫn dắt vào bài:** Mùa xuân là mùa hội tụ của cái đẹp, căng tràn nhựa sống vào buổi bình minh với những chồi non lộc biếc, tiếng chim ca vui về làm tổ, với những nàng xuân dịu dàng hát câu quan họ... Có lẽ vì thế mà thi nhân muôn đời yêu mến xuân. Xuân đi vào lăng kính tâm hồn người nghệ sĩ là những trang thơ văn, mà ở đó, xuân là món quà vô giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Ta đã có Mùa xuân xanh (Nguyễn Bính), Một khúc ca xuân (Tố Hữu)... và giờ, với Hàn Mặc Tử, ta được thưởng thức một Mùa xuân chín thân thương, gần gũi.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a) Mục đích: Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất về thể loại, tác giả và tác phẩm.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: + Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về phong trào Thơ Mới?	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Phong trào Thơ mới - Phong trào Thơ mới (1932 - 1945) được xem là sự kiện mở ra “một thời đại trong thi ca” Việt Nam.

Thơ mới phát triển ở giai đoạn nào?	
Thơ mới chịu ảnh hưởng từ thơ ca?	
Đặc điểm về nội dung	
Đặc điểm về hình thức	
(trả lời câu hỏi theo định hướng của phiếu bài tập) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: + <i>Nêu những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của tác giả Hàn Mặc Tử?</i> + <i>Tìm hiểu kiến thức tác phẩm: nêu vị trí, xuất xứ bài thơ? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa gì? Bài thơ được viết theo thể loại nào? Chia bố cục bài thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	
- Thơ mới chịu ảnh hưởng của thơ ca Pháp, đặc biệt là trào lưu chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng. - Nội dung: Thơ mới bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo. - Hình thức: Thơ mới là sự đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại Việt Nam. Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn. Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới. => Mở ra nhiều khả năng phát triển đa dạng của thơ Việt Nam hiện đại. 2. Tác giả Hàn Mặc Tử a. Tiểu sử - Hàn Mặc Tử (1912 - 1940) tên khai sinh Nguyễn Trọng Trí. - Bút danh như: Lê Thanh, Phong Trần, Hàn Mặc Tử - Quê: Quảng Bình - Năm 18 tuổi, ông theo gia đình vào sống tại Quy Nhơn. - Qua đời trong lúc trị bệnh phong tại nhà thương Quy Hoà. - Phong cách sáng tác: ngôn ngữ giàu cảm giác mạnh với nhiều hình ảnh độc đáo, thể hiện trí tưởng tượng phóng khoáng, dị kì. - Tác phẩm tiêu biểu:	

Giảng: Tiểu sử và sự nghiệp Hàn Mặc Tử Hàn Mặc Tử, tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí (1912–1940), quê ở làng Lệ Mỹ, Đồng Hới, Quảng Bình. Ông xuất thân trong một gia đình Công giáo, được rửa tội với tên thánh Phêrô Phanxicô. Thuở nhỏ, Hàn Mặc Tử theo cha đi nhiều nơi, từng học ở Sa Kỳ, Quy Nhơn, Huế... Sau khi cha mất, ông cùng mẹ vào Quy Nhơn sinh sống. Ngay từ tuổi thiếu niên, Hàn Mặc Tử đã bộc lộ năng khiếu thi ca. Năm 16 tuổi, ông bắt đầu làm thơ và có dịp gặp gỡ Phan Bội Châu, chịu ảnh hưởng từ tư tưởng yêu nước của ông. Lớn lên, Hàn Mặc Tử từng làm việc tại Sài Gòn, rồi trở về Quy Nhơn, vừa viết báo vừa sáng tác thơ. Năm 1935, ông phát hiện mắc bệnh phong. Những năm cuối đời, dù bệnh tật hành hạ, Hàn Mặc Tử vẫn sáng tác không ngừng, để lại nhiều tác phẩm đặc sắc. Ông qua đời tại trại phong Quy Hòa (Bình Định) năm 1940, hưởng dương 28 tuổi. Trong văn học Việt Nam, Hàn Mặc Tử được xem là hiện tượng độc đáo của phong trào Thơ mới, đồng thời là chủ soái Trường thơ Loạn cùng với Chế Lan Viên, Yến Lan, Bích Khê. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	+ Gái Quê (1936) + Đau Thương (ban đầu có tên là Thơ Điên) (1938) + Chơi giữa mùa trăng (1944) b. Phong cách sáng tác Hàn Mặc Tử là một hiện tượng đặc biệt của phong trào Thơ mới, được coi như một bậc thầy với những cách tân táo bạo. Thơ ông chứa đựng một tâm hồn tha thiết yêu đời, yêu người, yêu thiên nhiên, đồng thời cũng là tiếng kêu khát vọng mãnh liệt ngay trong nỗi đau cùng cực. Thơ Hàn Mặc Tử mang hai sắc thái đối lập: • Có khi ma mị, đầy ám ảnh, với những hình ảnh trắng và hồng, thể hiện sự đau đớn, giằng xé giữa sống và chết. • Có khi lại trong sáng, hồn nhiên, vẽ nên bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, gửi gắm niềm tin và hi vọng nhân văn. Ông là người tiên phong đổi mới nghệ thuật thơ, từ thể thơ Đường luật cổ điển chuyển sang thơ lãng mạn, rồi mở rộng đến bút pháp tượng trưng và siêu thực. Nhờ khả năng liên tưởng phong phú, thế giới thơ của Hàn Mặc Tử vừa mộng mơ, bí ẩn, vừa đầy sức hút. Dù viết trong nỗi đau bệnh tật, thơ Hàn Mặc Tử vẫn toát lên vẻ đẹp trong sáng, cảm xúc chân thành và niềm tin vào sự sống. Chính sự kết hợp giữa mộng mơ và chân thực ấy đã khiến thơ ông sống mãi, trở thành biểu tượng của sáng tạo và đổi mới trong văn học Việt Nam. 2. Tác phẩm
---	--

- HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	a. Hoàn cảnh, xuất xứ - Viết cuối năm Bính Tý 1936 – giai đoạn Hàn chưa phát hiện căn bệnh nan y. - In trong tập Đau thương (1938) b. Nhan đề: - “<i>Mùa xuân</i>” là danh từ kết hợp với “<i>chín</i>” là tính từ. Gọi ra cảnh sắc mùa xuân đang ở độ tươi đẹp nhất, viên mãn nhất, tràn đầy sức sống nhất. Trạng thái đó đồng nghĩa với việc mùa xuân tươi đẹp đang trôi qua, cái đẹp không thể tồn tại vĩnh hằng, để lại trong nhà thơ nỗi nuối tiếc khôn nguôi. c. Thể loại - Thể thơ: 7 chữ d. Bố cục - Bố cục 4 phần: + Khổ 1: Cảnh mùa xuân trong con mắt một thi sĩ yêu đời + Khổ 2: Bước đi của mùa xuân + Khổ 3: Tiếng hát yêu đời, tràn đầy khát khao cuộc sống + Khổ 4: Lời hỏi thăm cùng sự tiếc nuối của nhân vật trữ tình
--	---

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Dự kiến sản phẩm</i>
-------------------------------	-------------------------

Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm: Nhóm 1 (Khổ 1) - Dấu hiệu của mùa xuân được được bộc lộ qua các hình ảnh nào? - Ý nghĩa của việc sử dụng từ láy trong câu thơ: “<i>Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng</i>”? - Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: <i>Sột soạt gió trêu tà áo biếc</i>. - Tìm những tính từ chỉ màu sắc trong khổ thơ? Nêu ý nghĩa? - Câu thơ “<i>Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang</i>” có gì đặc biệt? Nhóm 2 (Khổ 2) - Không gian mùa xuân trong khổ thơ thứ hai được miêu tả qua các phương diện nào? - Con người xuất hiện trực tiếp qua hình ảnh nào? - Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ? - Tâm trạng của nhà thơ được thể hiện qua khổ thơ? Nhóm 3 (Khổ 3) - Chỉ ra sự độc đáo của việc lấy hình ảnh để gợi âm thanh?	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Cảnh mùa xuân trong con mắt một thi sĩ yêu đời (Khổ 1) <i>Trong làn nắng ửng khói mơ tan</i> <i>Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng</i> <i>Sột soạt gió trêu tà áo biếc</i> <i>Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.</i> - Dấu hiệu của mùa xuân được hiện diện qua hình ảnh: + “<i>Nắng ửng</i>”: nắng mới, tươi tắn của mùa xuân. + “<i>Khói mơ tan</i>”: làn khói nhẹ, dịu dàng, có chút mơ hồ. - “<i>Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng</i>”: + Từ láy “<i>lấm tấm</i>”: gợi hình ảnh những mái nhà tranh mang màu sắc vàng bình dị, duyên dáng mà đậm thắm, yêu thương. - “<i>Sột soạt gió</i>”: biện pháp tu từ đảo ngữ kết hợp với nhấn mạnh vào âm thanh sống động của sự vật. - Nhân hoá “<i>gió trêu</i>”: hình ảnh gió được nhân hoá giống như con người - có lẽ đó là một chàng trai đa tình. - Hoán dụ “<i>tà áo biếc</i>” chỉ hình ảnh con người, có thể hiểu là tà áo biếc là màu áo của một người thiếu nữ. - Ba câu thơ nổi bật với ba màu sắc tươi sáng (<i>ửng, mơ vàng, biếc</i>): mùa xuân hiện hữu trước mắt người đọc vừa dịu nhẹ vừa tươi mới, tràn đầy sự sống.
--	--

- Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ? - Tìm và nêu ý nghĩa của việc sử dụng từ láy trong khổ thơ?	- <i>Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang</i>: câu đặc biệt: gợi cái nhìn tinh tế về sự chuyển mùa, sự hiện diện trong mỗi bước xuân sang.
Nhóm 4 (Khổ 4) - Sự tiếc nuối của nhân vật trữ tình được thể hiện qua từ ngữ nào? - Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ? - Tìm và nêu ý nghĩa của việc sử dụng từ láy trong khổ thơ? - Khổ thơ thể hiện nỗi khát khao gì của nhà thơ?	=> Khổ thơ thứ nhất miêu tả mùa xuân chốn thôn quê thật thanh bình, duyên dáng. Mùa xuân đang len lỏi vào cảnh vật, cây cỏ, đất trời. Thiên nhiên và con người hoà quyện vào nhau. Sắc xuân và tình xuân rạo rực được bộc lộ qua cảm nhận của một tâm hồn thi sĩ tài hoa với niềm yêu đời tha thiết. 2. Bước đi của mùa xuân (khổ 2) <i>Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.</i> <i>Bao cô thôn nữ hát trên đồi</i> - <i>Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,</i> <i>Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi.</i>
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Không gian “<i>đất</i>”, “<i>trời</i>”: mở rộng, thoáng đạt. - Hình ảnh ẩn dụ - <i>sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời</i>: gợi sự tươi tốt, xanh non của cỏ cây, bước đi của mùa xuân đã lan toả đến khắp nơi, đến tận chân trời. - “<i>Cô thôn nữ</i>”: hát trên đồi => tiếng hát ngọt ngào đón mùa xuân của bao cô gái thôn quê đầy tình tứ. Đó là những cô thôn nữ đang độ tuổi xuân thì phơi phới, yêu đời, yêu cuộc sống. Họ mang đến cuộc đời những lời ca, tiếng hát của tuổi trẻ đầy hi vọng. => Mùa xuân đã chín từ cảnh vật đến lòng người. - Tâm trạng của nhà thơ: + “<i>đám xuân xanh</i>”: những con người đang trong độ tuổi xuân thì, trẻ trung.

	+ “<i>kẻ theo chồng</i>”: chỉ những người con gái ấy đã đi lấy chồng. => Quy luật của thời gian, của cuộc đời. Mùa xuân của đất trời thì tuần hoàn, chỉ tiếc độ tuổi xuân xanh của con người thì hữu hạn. => Khổ thơ thứ hai: miêu tả sự vận động của mùa xuân trong lòng thiên nhiên. Cùng với đó là sự vận động của lòng người: từ rạo rực, xuyến xao đến tiếc nuối, lo lắng vì không thể níu giữ mãi tuổi xuân xanh. 3. Tiếng hát yêu đời, tràn đầy khát khao cuộc sống (Khổ 3) <i>“Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi</i> <i>Hồn hển như lời của nước mây</i> <i>Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,</i> <i>Nghe ra ý vị và thơ ngây.”</i> - Bức tranh xuân trong khổ thơ thứ ba được mở ra bằng tiếng hát yêu đời, tràn đầy khát khao. - Biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: <i>tiếng ca vắt vẻo (từ thính giác sang thị giác)</i>, âm thanh được gợi tả qua hình ảnh vắt vẻo, tiếng hát như đung đưa, vắt qua đồi núi, lan trong không gian. - Phép so sánh <i>tiếng ca hồn hển như lời của nước mây</i> thể hiện tiếng hát rạo rực đến mức hồn hển, vút cao bay lên thành lời của nước mây. => Tình xuân bên trong sắc xuân càng lúc càng mãnh liệt qua tiếng hát của những cô thôn nữ, của thiên nhiên đất trời.
--	---

	- Từ láy tượng hình: “<i>vắt vẻo</i>”, “<i>hồn hển</i>” được dùng để diễn tả sống động trạng thái vận động của tâm hồn con người. - “<i>Thầm thì</i>”: từ láy tượng thanh vừa diễn tả âm thanh thầm thì vừa biểu hiện cảm xúc tha thiết. => Khổ thơ thứ ba là tiếng hát yêu đời, tràn đầy niềm khát khao cuộc sống bội lộc độ “chín” nhất của mùa xuân, của lòng người. 4. Lời hỏi thăm cùng sự tiếc nuối của nhân vật trữ tình (Khổ 4) “<i>Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín</i> <i>Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng</i> <i>– Chị ấy, năm nay còn gánh thóc</i> <i>Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?”</i> - Khổ thơ thứ tư như một thước phim kí ức từ mùa xuân chín “<i>nắng ửng</i>” đến nay “<i>nắng chang chang</i>” – mùa xuân đã qua, mùa hè đã đến với cái nắng chang chang, gay gắt. - Câu hỏi tu từ: “<i>Chị ấy, năm nay còn gánh thóc/ Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?</i>” đã lột tả được tâm sự, những băn khoăn của nhà thơ. - “<i>Chị ấy</i>”: cô gái ngày nào ngân nga lời ca, tiếng hát giờ trở thành một người phụ nữ với bao nỗi lo toan cuộc sống. - Từ láy “<i>chang chang</i>” đã miêu tả thật sinh động cái nắng. Đồng thời âm “<i>ang</i>” cuối bài thơ làm cho câu thơ mang tâm trạng mê mẩn, khó tả của thi sĩ. => Khổ thơ cuối là: những khao khát tình người, tình đời của nhà thơ trước thời điểm mùa xuân sắp tàn phai.
--	--

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - “ <i>Mùa xuân chín</i> ” là bài thơ độc đáo trong vườn thơ mùa xuân của thơ ca Việt Nam. Bài thơ là tiếng lòng của thi nhân luôn khát khao giao cảm với đời, sống hoà mình với thiên nhiên và luôn trăn trở trước những tàn phai của cuộc sống. 2. Nghệ thuật - Ngôn ngữ vừa giản dị, mộc mạc mà vẫn tinh tế. - Sử dụng linh hoạt, sống động các biện pháp tu từ. - Nhịp thơ, cách gieo vần linh hoạt, với những điểm nhấn nhịp điệu bằng dấu ngữ pháp riêng biệt, nhịp và vần được dẫn dắt bởi cảm xúc...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

b) **Nội dung:** HS ôn tập, sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử đã gợi cho em nhiều cảm xúc. - Gợi ý: + Câu thơ + Nhan đề + Cách sử dụng từ láy... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS. - Bài sưu tầm: <i>Với màu sắc cổ điển hài hoà với chất dân dã trẻ trung, bình dị, bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong sáng, rạo rực, say mê. Tác phẩm gây ấn tượng với bạn đọc bởi chính nhan đề “mùa xuân chín”. Với nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, Hàn Mặc Tử đã hữu hình hoá mùa xuân, khiến nó dường như có màu sắc và có cả hương sắc. Đây chính là kết hợp từ tài tình của tác giả. Nhà thơ đã dùng trạng thái “chín” của trái cây để nói về cái trồn vẹn, viên mãn, tươi đẹp nhất của mùa xuân. Qua đó, nhà thơ bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống đa diết và khát khao giao cảm mãnh liệt. Bởi chính lúc “mùa xuân chín” nhất, đẹp nhất thì tác giả cũng nhận ra cái đẹp không thể tồn tại mãi. Nhà thơ bộc lộ niềm nuối tiếc khi không thể níu giữ vẻ đẹp vĩnh hằng, muốn giao hoà với vẻ đẹp của đất trời.</i>
---	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:** Làm bài tập vận dụng

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Em hãy tìm đọc Thơ mới, chọn một bài mà em thích nhất để cảm nhận và giới thiệu trước cả lớp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Đọc lại đoạn trích, học thuộc các dẫn chứng tiêu biểu.
- Chuẩn bị bài mới: BẢN HOÀ ÂM NGÔN TỪ TRONG *TIẾNG THU* CỦA LƯU TRỌNG LƯ – CHU VĂN SƠN

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 2. VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA

VĂN BẢN. BẢN HOÀ ÂM NGÔN TỪ TRONG “*TIẾNG THU*”

CỦA LƯU TRỌNG LƯ' – CHU VĂN SƠN

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Huy động kiến thức về phong trào Thơ mới.
- HS hệ thống được các đơn vị kiến thức về đặc trưng của thơ và phương pháp đánh giá, giá trị thẩm mỹ của một tác phẩm thơ.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- **Năng lực chuyên biệt:**

+ Năng lực đọc văn bản nghị luận, nhận biết được chủ đề, các luận điểm chính, cách triển khai các luận điểm.

3. Phẩm chất

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu quê hương, yêu nước, yêu thiên nhiên, con người.
- Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, tinh tế, nhạy cảm với thơ ca.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức văn học, đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ và trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: Em hãy đọc 01 bài thơ về mùa thu mà em yêu thích nhất và bày tỏ suy nghĩ của em về mùa thu trong thơ ca.

- HS suy nghĩ và trả lời.

Dẫn dắt vào bài: Cũng như mùa xuân, mùa thu luôn là đề tài gợi nhiều cảm xúc cho các thi nhân. Mỗi người lại có cách nhìn, cách miêu tả rất riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân của mình. Có nhà thơ, mùa thu là đáng liêu buồn, là màu áo mờ phai, là tiếng đập lá vàng của con nai ngơ ngác. Trong bài học ngày hôm nay, cô và các em cùng tìm hiểu về **BẢN HOÀ ÂM NGÔN TỪ TRONG “TIẾNG THU” CỦA LƯU TRỌNG LƯ – CHU VĂN SƠN**

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a) Mục đích: Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất về tác giả và tác phẩm.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: + Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Chu Văn Sơn và Lưu Trọng Lư? (trả lời câu hỏi theo định hướng của phiếu bài tập) - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Lưu Trọng Lư - Lưu Trọng Lư (1911 – 1991) - Quê: Quảng Bình - Được xem là một trong những thi sĩ đầu tiên khởi xướng và tích cực cổ vũ cho phong trào Thơ mới. - Các tác phẩm chính của ông: Tiếng thu (thơ, 1939). Người sơn nhận (tập truyện ngắn, 1933).

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi: +<i>Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm Bản hoà âm ngôn từ trong “Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư (thể loại, nêu vị trí, xuất xứ bài thơ, Chia bố cục bài thơ?)</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	Chiếc cẳng xanh (truyện dài, 1941), Khói lam chiều (truyện dài, 1941)... 2. Tác giả Chu Văn Sơn (1962 - 2019) - Là nhà nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại. - Quê: Thanh Hóa. - Là người có tư duy văn học rất mới, đầy nhạy cảm. - Các tác phẩm chính: + Ba đỉnh cao thơ mới: Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử (2005) + Thơ - điệu hồn và cấu trúc (2007) + Tự tình cùng cái đẹp (2019) 3. Tác phẩm: a. Thể loại - Phê bình văn học b. Xuất xứ - Tác phẩm được in trong tập Thơ - điệu hồn và cấu trúc của Chu Văn Sơn. b. Bố cục - Chia thành 4 phần: - Phần 1: <i>đoạn 1 + 4 + 5</i>: Mối quan hệ của “tiếng thu” và “tiếng thơ” - Phần 2: <i>đoạn 2 + 3</i>: Thiên nhiên trong thơ cũ và Thơ mới - Phần 3: <i>đoạn 6 + 7</i>: Những yếu tố hình thức của bài thơ. - Phần 4: <i>đoạn 8 + 9 + 10 + 11 + 12</i>: Cấu trúc ngôn từ, âm hưởng của bài thơ.
---	---

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Phần 5: Đoạn 13: Suy nghĩ về “Tiếng thu” và tác giả Lưu Trọng Lư
---	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

<i>Hoạt động của GV và HS</i>	<i>Dự kiến sản phẩm</i>
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm tìm hiểu văn bản:	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Mối quan hệ của “tiếng thu” và “tiếng thơ” - Khẳng định mối quan hệ của thu và thơ: “ Thu là thơ của đất trời, thơ là thu của lòng người”. - “Hồn thơ” và “hồn thu” đã đồng vọng mà thành “Tiếng thu”. - “Tiếng thu” và “tiếng thơ” tương ứng với những bình diện trong bài thơ của Lưu Trọng Lư: + “ <i>Tiếng thu</i> ”: Không phải là một âm thanh riêng rẽ nào, mà tiếng thu chính là nỗi rạo rực trong lòng người và tiếng xào xạc của lá rừng. Tiếng thu là một điều huyền diệu. Có lẽ bởi sự cộng hưởng ấy mà “ <i>bản hòa âm mùa thu</i> ” đã tìm thấy cho mình một “ <i>bản hòa âm ngôn từ</i> ”. + “ <i>Tiếng thơ</i> ”: Đặc trưng vang lên từ đáy hồn Thơ mới chính là tiếng xôn xao. => Bài viết đi từ “tiếng thơ”, dẫn dắt đến “tiếng thu” rồi lại “tiếng thơ”. Hai yếu tố đan xen, hoà quện không tách rời làm nên tinh thần của bài thơ.
Nhóm 1 1. Mối quan hệ của “tiếng thu: và “tiếng thơ” - Theo phân tích của tác giả, “tiếng thu” và “tiếng thơ” tương ứng với những bình diện nào trong bài thơ của Lưu Trọng Lư? 2. Trình tự của bài viết đi từ “tiếng thu” hay “tiếng thơ”? Theo tác giả, “tiếng thu” trong bài thơ của Lưu Trọng Lư là gì?	2. Thiên nhiên trong thơ cũ và Thơ mới - Theo tác giả, sự khác biệt lớn nhất trong cách miêu tả thiên nhiên của Thơ mới so với thơ cổ điển là

gì? Nguyên nhân nào dẫn đến sự khác biệt ấy? Nhóm 3 3. Những yếu tố hình thức của bài thơ - Khi phân tích ngôn từ trong bài thơ Tiếng thu, những thao tác nào được nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn thường xuyên sử dụng? Nhóm 4 4. Cấu trúc ngôn từ, âm hưởng của bài thơ - Cấu trúc ngôn từ, âm hưởng của bài thơ có gì đặc biệt? Cả lớp 5. Suy tư về tiếng thu và tác giả Lưu Trọng Lư - Nêu những suy tư về tiếng thu và tác giả Lưu Trọng Lư? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm.	<table> <tr> <th>Thơ xưa</th><th>Thơ mới</th></tr> <tr> <td>Thơ xưa viết về thiên nhiên <i>tĩnh lặng</i>, miên viễn.</td><td>Thơ mới là điệu hồn riêng xôn xao.</td></tr> </table> => Các nhà Thơ mới không nhìn thiên nhiên bằng cái chiêm nghiệm, mà họ muốn vào dò la cái sự sống tiềm tàng chất chứa bên trong lòng tạo vật, khám phá sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên. 3. Những yếu tố hình thức của bài thơ - Âm điệu bài thơ - Cấu trúc bài thơ - Vận và nhịp của bài thơ - Sự lặp lại của vận và nhịp => Từng bước đẩy cảm xúc đến cao trào. 4. Cấu trúc ngôn từ, âm hưởng của bài thơ - Cấu trúc ngôn từ mang tính nhạc - Âm thanh của mùa thu: tiếng thôn thức, tiếng rạo rức, tiếng lá thu xào xạc. - Âm hưởng của toàn bài thơ: âm bằng. => Hồn thu bàng bạc trong toàn bài nhưng nó hiện hình sống động nhất là ở cái tiếng xào xạc. 5. Suy tư về tiếng thu và tác giả Lưu Trọng Lư - Về Lưu Trọng Lư: “<i>Tôi cứ nghĩ, Lưu Trọng Lư chính là chủ nại kia, bởi cái nghiêng lai nga ngắc thì sĩ của nó</i>” - Tín hiệu duy nhất của “Tiếng thu”: chính là âm thanh “xào xạc” của lá rừng. => Âm thanh gọi những xôn xao huyền diệu. Là trạng thái của thiên nhiên và là điệu hồn của thi đã cộng hưởng trong cấu trúc ngôn từ thi ca đẹp đẽ.	Thơ xưa	Thơ mới	Thơ xưa viết về thiên nhiên <i>tĩnh lặng</i> , miên viễn.	Thơ mới là điệu hồn riêng xôn xao.
Thơ xưa	Thơ mới				
Thơ xưa viết về thiên nhiên <i>tĩnh lặng</i> , miên viễn.	Thơ mới là điệu hồn riêng xôn xao.				

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
--	--

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

- a) **Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Văn bản thể hiện được những giá trị tiêu biểu và xuất sắc trong việc sử dụng ngôn từ của Lưu Trọng Lư. - Văn bản thể hiện sự ngợi ca, trân trọng và ngưỡng mộ của tác giả Chu Văn Sơn với nhà thơ Lưu Trọng Lư. 2. Nghệ thuật - Văn bản trình bày các luận điểm rõ ràng, chi tiết, thuyết phục, có tính liên kết - Các luận điểm bổ sung và hỗ trợ cho nhau, có luận cứ và dẫn chứng đi kèm, tạo nên một hệ thống luận điểm logic, có sức thuyết phục cao - Giọng văn rành mạch, lưu loát, phù hợp với bài văn nghị luận nhưng vẫn ẩn chứa cảm xúc, truyền cảm hứng và có tác động mạnh mẽ tới người đọc

--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** Luyện tập củng cố nội dung bài học
- b) **Nội dung:** HS ôn tập, sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trắc nghiệm.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Qua tác phẩm được giới thiệu trong bài Về đẹp của thơ ca, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ về điều làm bạn thấy thú vị, hấp dẫn khi đọc thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS. - Bài sưu tầm: Đoạn văn tham khảo: (sưu tầm) <i>Thơ ca là một phần không thể thiếu trong nền văn học của mỗi quốc gia. Có lẽ, trong các thể loại văn học, không thể loại nào mà người ta có thể bộc lộ những cảm xúc được tài tình, hàm súc và tập trung như ở trong thơ, và làm thơ từ muôn đời nay vẫn khó, không chỉ làm sao cho có vần có điệu, dễ nhớ dễ thuộc, mà còn phải khiến cho cái tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ nằm gọn trong những vần thơ của mình. Do đó, các tác phẩm thơ thường mang đến cho người đọc cảm giác lắng đọng và đầy xúc cảm. Các ý thơ có tính hàm súc cao, để rồi người đọc phải tự suy ngẫm, chiêm nghiệm. Tình cảm trong thơ không chỉ phác họa chân dung tâm hồn của người nghệ sĩ mà còn gợi mở, thức tỉnh những cảm xúc nội tâm của con người khiến cho lòng người thêm phong phú và tốt đẹp hơn.</i>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS làm các bài tập

d) Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Sưu tầm Thơ mới về mùa thu. Chọn một bài hay nhất để đọc trước lớp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài sưu tầm của HS.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Đọc lại đoạn trích, học thuộc các dẫn chứng tiêu biểu.

Xác nhận của BGH

Xác nhận của Tổ trưởng bộ môn